

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

NAM PHONG GƯƠNG MẪU
Biên Soạn
GIẢI TÂM

THÁNH ĐỊA
NGÀY 15-10 MẬU NGỌ (1978)

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **ĐAOCÀODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ GIẢI TÂM, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE ĐAOCÀODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 08/10/2013

Tâm Nguyên

Nam Zhong Guong Mẫu
Biên Soạn: **GIẢI TÂM**

MỤC LỤC

LỜI TỰA..... 9

CHƯƠNG I

CÁC BÀI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP VỀ QUỐC ĐẠO NAM PHONG. 11

1- Hườn Thuộc Thờ Trời Và Thờ Người 11

2- Hườn Thuộc Thờ Trời Và Thờ Người (Tiếp Theo) 14

3- Quốc Đạo Có Phương Pháp Gì Làm Tôn Giáo
Hòn Cầu Chặng?..... 16

4- Nam Phong Thử Nhứt Biến Nhơn Phong 19

5- Nguyên Căn Nam Phong Do Đâu Sản Xuất..... 22

6- Nam Phong Đối Với Phong Hóa Các Dân Tộc Khác . 27

7- Nam Phong Đối Với Phong Hóa Các Dân Tộc
Khác (Tiếp Theo) 33

8- Quyền Của Cha. 40

9- Quyền Của Ông Hương Chủ..... 43

10- So Sánh Hương Đẳng Với Bàn Trị Sự..... 49

11- Quyền Của Ông Vua..... 54

CHƯƠNG II

VIỆT NAM ANH HÙNG CAO THƯỢNG..... 61

1- Anh Hùng Khí Việt Nam 61

2- Tinh Vua Tỏi Của Việt Nam 62

3- Tinh Chồng Vợ Việt Nam 63

 A.- PHAN THỊ THUẤN 63

 B.- BÀ TRƯƠNG 63

4- Tinh Bàng Hữu Việt Nam 64

A.- LƯU BÌNH-DƯƠNG LỄ	64
B.- TÌNH BẰNG HỮU CỦA CỤ PHAN THANH GIẢN	66
5- Thần Đồng Việt Nam	69
A.NGYỄN BÌNH KHIÊM.....	69
B.LƯƠNG HỮU KHÁNH.....	70
6- Tinh Yêu Nước Của Gái Việt Nam.....	71
KẾT LUẬN	73
A.- Về Mặt Đời.....	74
B.- Về Mặt Đạo.....	75

NAM PHONG GƯƠNG MẪU



ĐIỆN THỜ PHẬT-MẪU – BÁO ÂN TỪ – TÂY NINH

LỜI TỰA

TRONG MỘT THÁNH GIÁO, ĐỨC CHÍ TÔN GỞI cho Đức Bảo Đại có 2 câu đặc sắc như vậy:

*“Quốc Đạo kiêm triều thành Đại Đạo,
Nam Phong thử nhứt biến Nhơn phong.”*

Đức Hộ Pháp đã dày công nghiên cứu nó và hễ 4 đêm là Ngài giảng một đêm sau khi cúng thời Tý tại Đền Thánh cho toàn Đạo được lãnh hội, kéo dài hơn 2 tháng mới dứt đề tài này.

Hệ trọng thay! Hội Đạo Cao Đài có những đặc điểm nào mà được chọn làm Quốc Đạo của nước Việt Nam và phong hóa của nước Việt Nam có những đặc điểm nào mà làm gương mẫu cho cả thế giới đồ theo bắt chước?

Nay chúng tôi xin trích ra những bài thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp từ đầu đến cuối nói lên cái hay, cái đẹp của nó. Kế bổ cứu thêm những sự tích Việt Nam anh hùng cao thượng hầu cống hiến quý đọc giả một tài liệu không dám nói dối dào, nhưng tạm thời thêm phần đóng góp với hoài bão thêu hoa trên thảm gấm.

Có lẽ sau khi đọc, quý vị hạnh diện được mang giống máu Lạc Hồng mà Đức Chí Tôn đã chọn không làm để trao nền Chánh Giáo trong tay dân tộc Việt Nam để tô điểm.

Truy đến nguồn gốc, chúng tôi xin sao y nguyên văn bài Thánh Giáo ấy để quý vị rộng đường suy gẫm.

Đêm 11 tháng 12 năm 1947

Phò loan: Hộ Pháp — Tiếp Pháp

THẤY CÁC CON

Ừ, ngày nay là ngày Thầy đã đặc vọng cho toàn cả nòi giống các con.

Vinh! Con và Hoạch phải hiệp cùng Vinh Thụy mà làm tròn sứ mạng theo Thánh ý Thầy đã định đa nghe.

Tất! Con biểu Tài viết Nho văn bài thi nầy rồi Hoạch con đưa tận tay cho Vinh Thụy.

*Thượng hạ nhị Thiên xử đại hườn,
Việt Nam nhứt quốc, nhứt giang sơn.
Hoàng đồ toàn bảo Thiên thi định,
Đánh tộ trường lưu Tổ nghiệp tôn.
Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam Phong thử nhứt biến như phong.
An dân liệt quốc tùng Nghiêu Thuấn,
Văn hóa tương lai lập đại đồng.*

Thầy lại còn muốn cho hai con Hoạch và Vinh hiệp cùng Vinh Thụy hội thuyết tại vịnh Hạ Long. Nghe à!

Thầy ban ơn cho các con.

▣ THẮNG

*Khởi viết tại Thánh Địa ngày Rằm
tháng 10 năm Mậu Ngọ (1978)*

Giải Tâm

CHƯƠNG I CÁC BÀI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP VỀ QUỐC ĐẠO NAM PHONG

TỪ NGÀY MÙNG 1 THÁNG 4 MẬU TÝ (1948) ĐẾN ngày mùng 9 tháng 6 Mậu Tý, nghĩa là trong 2 tháng 8 ngày, Đức Hộ Pháp đã giảng rành mạch trong 11 bài thuyết Đạo về phong hóa đẹp đẽ của nước Việt Nam.

Vậy xin trích ra sau đây để quý đọc giả thấy của báu mà Tổ Tiên ta đã lưu lại cho con cháu hậu trước sửa nền phong hóa hiện tại và sau gương mẫu cho phong hóa hơn loại noi theo.

1- HƯỜN THUỐC THỜ TRỜI VÀ THỜ NGƯỜI

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo:

□ *TẠI ĐỀN THÁNH, ĐÊM MÔNG 1
THÁNG 4 NĂM MẬU TÝ (1948)*

Bữa nay Bản Đạo giảng một vấn đề trọng yếu nhưng chẳng giảng một bữa mà đủ, nên cần phải tiếp tục nhiều lần Bản Đạo mới giảng dứt. Sau một buổi lễ cúng rồi, thì giờ lên giảng dài rất ít, Bản Đạo phải thúc nhặt lại là vì mỗi lần hành lễ rồi cả thầy đều mệt. Bản Đạo sẽ liệu phương sắp đặt lại là giảng trước giờ hành lễ.

Theo trong bài thi của Đức Chí Tôn gởi cho Hoàng Đế Bảo Đại có hai câu yếu trọng cho nền Thánh giáo Chí Tôn hơn hết là hai câu này:

“Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong”

Hai câu nầy chúng ta hiểu rằng, Đức Chí Tôn muốn nói với Ngài Bảo Đại nền Quốc Đạo của Người, ngày nay đã thành Đại Đạo, trong chữ Đại Đạo bao trùm cả đức tin loài người, câu thứ nhì “*Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong*” chữ phong không phải là gió, nó có nghĩa lý lắm! Phong đây là phong tục, Chí Tôn muốn nói phong tục nước nhà của Người sẽ làm nền phong hóa của loài người, hai câu ấy chúng ta nên đoán xét, suy gẫm coi Đức Chí Tôn vì thương mà quá lời không? Thảng như Tôn giáo nào kích bác họ sẽ nói Chí Tôn tự tôn, tự trọng, hay là họ có đức tin hơn nữa họ có thể họ bàn luận rằng: Chí Tôn vì quá thương mà nói.

Vậy chúng ta thử coi nền Quốc Đạo của chúng ta sẽ trở nên nền Tôn giáo của toàn cầu chăng? Và phong hóa chúng ta có thể thay thế cho cả nhơn loại trên mặt địa cầu nầy chăng? Chúng ta nên quan sát, suy gẫm rồi tưởng tượng coi có thể đặng vậy không? Có thể đặng và Bản Đạo tin quả quyết rằng nó phải như vậy đó. Tội nghiệp thay! Một sắc dân đã từng bị nước Trung Hoa khắc phục, tuy chịu trong hoàng đố, chúng ta có một lịch sử trong 4.000 năm tranh đấu, vẫn tự do, độc lập không chịu tùng mạng lệnh của Trung Hoa. Nước chúng ta như cái vải áo, còn Trung Hoa như cái áo, chúng ta không có lý lẽ gì từ chối tinh thần một sắc dân anh dũng ấy, nó phải nương cái năng lực nơi chỗ nào? Ấy là nương tinh thần Đạo giáo nước nhà của nó, chúng ta phải chịu ảnh hưởng trọng hệ hơn hết của hai nền Tôn giáo Trung Hoa thọ giáo Ấn Độ dạy chúng ta tu cho đặng chí thiện, chí nhơn, Phật giáo bên

Ấn Độ dạy chúng ta tự tu đặng đạt đại từ đại bi. Hai cái khối tinh thần hiệp nhau lại làm một nền Tôn giáo, để được bảo trọng tinh thần quốc túy của mình.

Chí Tôn đã nói cùng người Pháp: Từ thử một sắc dân ấy chỉ biết nô lệ chưa biết vi chủ, vì vậy mà Ta đến bồi thường sự bất công ấy, Đạo giáo đã dạy chúng ta chí thiện chí nhơn, đại từ đại bi, tinh thần đó vậy, hỏi vậy ngày nay chúng ta phải tùng hay chẳng? Tôi dám chắc giọt Cam Lộ ấy, tinh thần loài người đã khao khát, để bảo tồn sanh mạng, bằng chẳng vậy thì nhơn loại phải tự diệt mà chớ.

Tại sao tự diệt? Chúng ta thấy trường hỗn độn một nền văn minh gồm có tinh thần duy vật mạnh mẽ mà chớ, cái chánh sách của loài người chạy theo duy vật đương nhiên thì mặt địa cầu này chưa hòa bình vì họ chỉ biết tranh sống với duy vật, chớ chưa sống với tinh thần chí thành, cái quyền năng của Đạo giáo Gia Tô mạnh mẽ dường nào mà ngày nay phải thoái bộ trước năng lực của toàn cầu, còn Đạo giáo mà đến thay thế đặng cái năng lực ấy, rồi đây cũng chưa chắc quyết thắng tấn tuồng tương lai, mà vật chất sẽ dẫn đến con đường tử lộ không phương cứu chữa, duy có Đức Chí Tôn đến cứu loài người mà thôi.

May thay! Trong nòi giống tổ phụ chúng ta để lại một tử thuốc, tử thuốc ấy ngày nay lấy ra làm món thuốc cứu cả tinh thần nhơn loại trong hoàn cầu này và trong tử thuốc thiêng liêng đó để làm vị cứu sanh, tức nhiên là cái phương cứu khổ chẳng khi nào sai chạy. Nhưng vì chẳng đủ năng lực để cứu thế, đem hoàn thuốc hằng sống ấy bảo tồn sanh mạng loài người.

2- HƯỜN THUỐC THỜ TRỜI VÀ THỜ NGƯỜI (Tiếp Theo)

□ TÀI ĐỀN THÁNH, ĐÊM MÔNG 5
THÁNG 4 NĂM MẬU TÝ (1948)

Bần Đạo ngày nay giảng tiếp câu Thánh ngôn «Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo» của Đức Chí Tôn, giảng hôm kỳ lễ vừa rồi. Bần Đạo để đại khái đề mục cho toàn cả tiềm tàng thử coi nền Tôn giáo của chúng ta sẽ biến tướng ra thành Đại Đạo là chỗ nào? Nó đã đem cái gì cho nhơn loại về mặt tinh thần đạo đức mà biến ra đại đồng. Chúng ta đã ngó thấy nguyên do Đạo giáo bao giờ loài người phải chung hợp lại với nhau, nào xã hội, nào là gia đình, dầu trong buổi ăn lông ở lỗ loài người chẳng hề qua mặt luật thiêng liêng đó đặng. Buổi ấy, tất cả có bí pháp, hội hợp gia đình; Đức Chí Tôn duy có một mình, Ngài phân ra mới có Phật Mẫu, Ngài phân ra đệ nhị quyền hiệp lại đệ nhất quyền, đủ quyền năng tạo ra Càn Khôn Vũ Trụ để lập gia đình cho loài người đó vậy. Nhờ Chí Tôn phân tánh là bí pháp lập thành xã hội đó, chúng ta đã hằng tưởng hiểu cả, loài cầm thú phải có hiệp lại mà biến sanh được, giải rõ là trống mái, đực cái hay nam nữ vậy, nó tương liên trước mặt chúng ta, hoặc một cách âm thầm bí mật, vậy loài người bao giờ cũng có xã hội nhơn quần, gia đình, vì mặt luật buộc như vậy, lời chúng ta thường nói: «Chưa ai ở đất nở mà chun lên».^(*)

Mỗi cá nhân đều có nguyên do căn bản. Hại thay! Xã hội bình quyền tức nhiên mặt địa cầu ngày nay bị một quyền năng vật chất ấy nương với quyền năng tinh thần mà loài người đạt đến địa vị cao trọng và đạt cơ mầu nhiệm của tạo đoan, đời có triết lý, khoa học làm cho đảo lộn tinh thần, họ làm rồi họ tự kiêu là làm chủ cả cơ quan bí

mật của loài người, tự khoe mình là Trời; tự kiêu, tự đắc, tự tôn, tự đại, chúng ta đã thấy họ từ chối mọi lẽ thiên nhiên. Ngày giờ nhân loại xu hướng theo phương pháp vật hình, quyền năng khoa học, lý thuyết quái gở dị đoan ấy, làm cho tinh thần loài người ngu xuẩn, cho rằng không Trời, không Đất, tức nhiên không Đạo, không người, không xã hội, không gia đình; sống như con vật chung hiệp với nhau đồng sống vậy thôi. Sống không quyền lực tinh thần vi chủ, không thể nào hơn loại tự bảo tồn cho dân chúng đặng mà tránh khỏi nạn tiêu diệt, họ coi mạng sống của loài người là một vật dụng, để hưởng hạnh phúc sung sướng, lường gạt, buộc tinh thần loài người làm nô lệ cho vật hình, chúng ta thấy tấn tuồng nguy ngập, xô đẩy loài người đi đến diệt vong.^(*)

Tổ phụ chúng ta sống từ thượng cổ đến nay 3.000 năm, một vị chí Thánh để lưu lại cho đời mực thước niêm luật xã hội, như quân, Ngài định phải có gia đình, có tông tổ, có xã hội, Ngài lập pháp trọn trong điều ấy, từ thường dân chí Vương Đế, không ai ra khỏi mặt luật.

Tổ phụ chúng ta chịu Đạo giáo để lại sự thờ phượng tông tổ gia đình chúng ta, tức nhiên thờ kẻ quá vãng, ta coi người chết như sống, chúng ta tôn sùng mạng sống của con cái Người, vì loài người là Thiên hạ mà Thiên hạ là Trời.

Chúng ta biết nhìn nhận Trời trên mặt địa cầu, chúng ta biết thờ phượng Trời, tức nhiên thờ loài người đó vậy. Đạo giáo chúng ta để lại 2.000 năm, vậy điều trọng hệ là **thờ Trời và thờ Người**, buổi hỗn độn này, như loại vì khoa học mà đi đến một đường tử lộ. Chúng ta cần đến Đạo giáo phô trương trên mặt địa cầu này cho như loại họ biết tự tỉnh để trừ cả tánh loài người lại, hưởng hoàn

thuốc cứu sanh mạng họ.

Bản Đạo giảng lần trước, tiếp kỳ này kết luận là huân thuốc thờ Trời và thờ Người, thẳng vạn loại phản phúc mà còn chối nữa thì chịu tận diệt mà thôi.

3- QUỐC ĐẠO CÓ PHƯƠNG PHÁP GÌ LÀM TÔN GIÁO HOÀN CẦU CHĂNG?

□ TẠI ĐỀN THÁNH, NGÀY 14 THÁNG 4 NĂM MẬU TÝ (1948)

Hôm nay Bản Đạo giảng tiếp Thánh ngôn của Thầy câu: «Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo, Nam phong thử nhật biến Nhơn phong». Chúng ta quan sát coi nền Quốc Đạo của chúng ta có phương thế gì để làm một nền Tôn giáo cho hoàn cầu?

Đương nhiên bây giờ, cái tinh thần của loài người chỉ xu hướng theo trí thức đương nhiên của họ. Họ có thể được cái hành vi bí mật thiêng liêng mà lập nên cơ giới phi thường ở mặt địa cầu này. Nhưng cái cơ giới ấy do nơi hóa công sản xuất ra tâm não của kẻ trí thức thông minh đặng bảo vệ sanh mạng của loài người và lập hạnh phúc cho loài người.

Trái ngược lại, những hạng trí thức thông minh ở trong thời đại này, đều nảy sanh do một tâm lý khoa học mà thành hình, rồi tâm lý khoa học ấy trở lại tàn sát sanh mạng của loài người, đó là đến những cảnh bạo ngược. Hơn nữa, trước mắt chúng ta đã ngó thấy hai trận giặc trên hoàn cầu đã giết hại nhau, nên hiện giờ trên mặt địa cầu đã tự giết chết bao nhiêu mà kể.

Cái trí thức tinh thần ấy có làm gì cho đồng bào và thời đại này đặng hạnh phúc chăng? Trái lại, nó đem cho

đời một tấn tuồng thống khổ trước mắt cả thấy. Bản Đạo chỉ nhắc lại cho con cái của Đức Chí Tôn thấy rõ, như loại hiện nay đã xu hướng theo hạng trí thức tinh thần khoa học thì có kể đâu là thương chủng tộc, nên ngày nay đã gây ra biết bao tấn tuồng thê lương thảm đạm, như loại hết yêu ái nhau, mà trái lại người với người họ đối nhau còn quá hơn thú dữ, người với người mà họ chưa biết tôn trọng mạng sống với nhau, họ lại đoạt mạng sống của nhau đặng tìm hạnh phúc.

Mặt địa cầu này, sanh ra các đảng phái nào thì chỉ biết tương tàn tương sát với nhau mà thôi, họ không kể gì là sanh mạng của con người ra thế nào cả. Họ không biết tôn trọng mạng sanh của loài người, họ chỉ biết lấy xương cốt của loài người mà lập đài danh dự của họ thôi. Cái mục đích bạo tàn của họ, chúng ta đã thấy hiển nhiên trước mắt, cái thảm khổ của đời mà chưa hề có ai thấu rõ tâm lý khổ não của đời, đem lòng thương hại đến như sanh.

Từ Phật giáo ra đời đến bây giờ, tinh thần của loài người mới biết thương hại cho nhau, một nơi nào có một tâm hồn ưu ái thì các Tôn giáo đương nhiên trước kia là một huồn thuốc để cứu chữa cái bệnh thảm khổ của loài người nơi mặt địa cầu này, nhưng nay huồn thuốc cứu chữa ấy để tại mặt thế này, nó không thể trị đặng một bệnh tinh thần, khoa học đương nhiên của họ đã sản xuất trên mặt địa cầu này. Thử hỏi chúng ta có đem gì hạnh phúc cho họ không? Chúng ta chỉ biết đem hai chữ như nghĩa mà lập nền hạnh phúc cho họ thôi.

Tuy vậy, nòi giống của chúng ta là một sắc dân chiến đấu, một sắc dân oanh liệt, từ xưa tổ phụ ta biết hiền lành, biết kính trọng, biết thương yêu, kính trọng mạng sống

của loài người lắm, cái tánh thông thái, cái tánh thông minh của tổ phụ của chúng ta sản xuất trong một nguồn cội từ lành, không điều gì đem đến trước mắt tổ phụ của chúng ta, mà tổ phụ chúng ta tìm tòi không đặng.

Nước Việt Nam ở trong khoản đất phì nhiêu nên tổ phụ chúng ta biết trọng sanh mạng con cái của Trời, biết nhận nhưn loại là anh em, là cốt nhục, đồng chung mà ra, biết nhìn câu: «*Tứ hải giai huynh đệ*»; tổ phụ ta biết thương yêu nhưn loại, bất kỳ là một sắc dân nào, một nòi giống nào có trí thức cao minh làm cho loài người đặng hạnh phúc thì tổ phụ ta kính trọng tôn thờ vậy. Một nền Tôn giáo nào đến nước Việt Nam ta truyền bá thì tổ phụ ta kính trọng tôn sùng ngay. Nên mỗi Đạo nào vào nước Việt Nam ta đều được kết quả mỹ mãn. Lòng mộ Đạo của tổ phụ ta trước kia lấy lương thiện làm căn bản, lấy nhưn nghĩa làm môi giới, cái sự tôn nghiêm của tổ phụ ta từ thử hiển nhiên chúng ta đã ngó thấy.

Trong nước hiện giờ thì có các Đạo giáo thanh liêm chánh trực đang làm cha mẹ cho dân, cái tinh thần tạo hạnh phúc cho dân, một trang anh dũng biết bảo trọng nền quốc túy, nâng đỡ nước nhà, biết tôn sùng nhưn nghĩa, chúng ta đã ngó thấy các Đạo giáo của chúng ta đem cái nhưn nghĩa làm huồn thuốc liệng vào tâm lý của loài người là có thể trị đặng cái tinh thần bạo ngược của họ.

Nhưn loại vì quá ỷ tài sức nương theo cái tinh thần khoa học mà làm mất cái tinh thần căn bản nhưn luân. Nên nay ta đem cái đạo nhưn nghĩa mà thức tỉnh loài người, đặng cho họ nhìn với nhau vì danh nhưn nghĩa hầu thương yêu nhau, dắt nhau đi đến chủ nghĩa đại đồng.

Cái nền nhưn nghĩa của chúng ta, nó có thể làm môi

giới cho các chủng tộc trên thế giới, **đạo nhơn nghĩa** của chúng ta là một căn bản của quốc thể của nước Việt Nam và có thể thành Quốc Đạo được.

4- NAM PHONG THỬ NHỰT BIẾN NHƠN PHONG

□ ĐỀN THÁNH ĐÊM 26-4 MẬU TÝ (DL. 03-06-1948)

Bản Đạo tiếp tục giảng câu Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn gởi cho Đức Hoàng Đế Bảo Đại. Bản Đạo đã giải câu “Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo” rồi nay giảng câu kể “Nam Phong thử nhựt biến Nhơn Phong.”

Chánh văn Nam Phong tức là phong tục nhà Nam; thử nhựt là ngày nay biến nhơn phong làm thành phong hóa của con người. Chữ nhơn ấy Chí Tôn không nói là nhân loại hay nhơn sanh chỉ nói là con người, nghĩa là phong hóa của con người mà thôi. Mà muốn nói đến con người tức là nói đến toàn cả nhơn sanh vậy.

Ta suy tâm cái câu ấy mà xem, coi ta có cái gì đáng giá trị để đem ra cho toàn nhơn loại chăng? Ta đã chán biết rằng nhơn sanh trên bề mặt địa cầu này, nguyên do do sự tương liên của chồng vợ khởi đoan trước hết. Có chồng vợ mới ra gia đình, mới ra Hương đảng, Hương đảng mới ra Quốc gia xã hội, mới biến hóa ra toàn thể toàn cầu vạn quốc.

Nguyên do trọng yếu là cả sự liên can ấy khởi đoan nơi cặp vợ chồng trước hết và quan hệ hết là gia đình. Vì có nên Đức Khổng Phu Tử mới đem triết lý dựng lập xã hội nhơn quần chung cho đến tương lai toàn vạn quốc.

Ngài dùng phương pháp của Nho Tông và lấy chơn tướng của con người là tu thân để tạo mình trước đã, tìm tàng chỗ đáng làm người đã, rồi mới tiếp đến tề gia. Đó là

tìm an nhàn dặng chính đốn khuôn phép nhà. Kế trị quốc là nâng đỡ tinh thần quốc gia. Có định quốc gia được rồi mới do khuôn khổ ấy mà trị bình thiên hạ.

*Bây giờ chúng ta quan sát nhơn luân có thể nào mà có được câu quý và có thể “**Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong**”. Đạo nhơn luân trên mặt địa cầu này nhất là bên Âu Châu ngày nay đã ra thô bỉ. Đó là Đạo nhơn luân đã đi đến truy lạc, chồng chẳng phải chồng, vợ chẳng phải vợ. Cho đến việc hôn phối là phép trọng hệ đem hiệp hai đời sống của nam và nữ buộc vào khuôn khổ tạo đoan nhơn loại thêm nữa, mà đối với khuôn khổ đương nhiên vợ chồng, đầu óc của nhơn loại tấn triển trí hóa rất cao rồi sinh tệ; tệ đến mức nói rằng sống tại thế gian này mỗi người đều có quyền tự do, lấy cái quyền ấy mà nam nữ định phận cho nhau, nghĩa là tự do kết hôn không cần cha mẹ. Thế là buôn đầu chợ, bán cuối xóm, không trọn tình với nhau, vì đó mà vợ chồng không bền bỉ.*

Lại nữa cha mẹ có trí hóa hơn hết, lựa chọn người rể phù hợp với tánh đức của đứa con mà định đôi bạn. Cho nên từ trước đến giờ có khi cha mẹ định hôn cho con mà cả hai kẻ nam và nữ đó chưa biết mặt nhau. Thế mà chẳng hề khi nào sơ sẩy; hôn nhơn vẫn thành tựu. Tuy không biết trước nhau mà kết cấu vợ chồng, giữ Đạo trọn đời không sai là do bởi gương mẫu gia đình của cha mẹ để lại cho con; hiển nhiên trước mắt là phong hóa tối bại trên mặt địa cầu này nhất là nước Mỹ. Hiện giờ ta nhìn thấy sự tối phong bại tục ấy không thể tả được. Ví như tại Hollywood là nơi quay phim chớp bóng danh tiếng dám cả gan ra cái tuồng nam nữ đính hôn với nhau trong 24 giờ dặng chỉ tập cho cái hôn nhau cho mặng nồng, cho thiên hạ thấy thiệt. Những

quái tướng về hôn luân thấy gớm ghiết làm sao! Các nước Âu Châu định cho tự do kết hôn để cho phi chí tương liên, nên sự phối hợp nhơn duyên rất rẽ rúng, vì lợi vì danh chớ không vì sự yêu ái nên ân tình đã hết vì điều đó. Phong hóa gia đình là đường đó, quốc phong mới thế sao?

Sự tối bại gương mẫu đó là hung tàn bạo ngược, vì xu hướng theo vật chất mà không còn mãi mủng vì có tính chất gia đình. Đã ra mặt xã hội, sống không tinh thần xã hội, cho đến vợ chồng cấu kết cùng nhau cũng như con vật kia thì chỉ có thể tạo sanh ra con vật mà thôi; tức nhiên cha không thương yêu con, con làm sao mến thương cha được. Rồi con đối với cha không hiếu là do căn bản vợ chồng coi nhau không ra gì.

Phong hóa nhà Nam đương nhiên suy đồi hình như cũng bị ảnh hưởng bệnh chương ấy lây rồi. Dòm lại Nam Phong tốt đẹp biết bao mà bị ảnh hưởng của Âu Châu còn phải thay hình đổi tướng thành ra thô bỉ như thế ấy, huống lựa là các quốc gia lạc hậu, không văn hóa, không thuần phong.

May thay! Nếu Chí Tôn đến không kịp thì phong hóa nhà Nam cũng suy tối như vạn quốc vậy. Ngài đến chính đốn dùng ái tình làm căn bản, mà ái tình căn yếu là do nơi chồng vợ gây nên. Ái tình buộc nam nữ tương thân tương ái, không vì quyền lợi, dụng ái tình mà lập nên xã hội phong hóa nhà Nam ta cũng do ái tình mà thành tướng. Một đôi vợ chồng ở với nhau dầu đến 100 tuổi cũng coi như bạn, như khách biểu sao con cái không đỡ theo. Đối với bực cha mẹ mà có tình ái như thế thì tức nhiên con cái cũng bắt chước mà rập theo khuôn mẫu.

Phong hóa trước đây một trăm năm, trước khi chưa

chịu ảnh hưởng của Âu Châu, Bản Đạo dám chắc rằng văn hóa của nước Nam đứng đầu các dân tộc. Mặc dầu bị nạn ảnh hưởng đôi bại ấy nhưng ông cha ta vẫn cố thủ nền phong hóa của mình nên thiên hạ gọi là thủ cựu hay là gì cũng mặc kệ. Cái phong hóa 4.000 năm của Tổ tiên lưu lại đến ngày nay, cố giữ lấy cho nguyên vẹn mà thôi vì nó là một gia tài Thiêng Liêng vĩ đại của ta đó.

Chí Tôn đến lấy phong hóa ấy dựng chính đốn bắt đầu từ vợ chồng, đến gia đình, quốc gia, đến cả địa cầu này. Chúng ta có của báu ấy cho nhơn loại cần dùng dựng chính đốn gia đình của họ nên Chí Tôn để câu: “**Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong**” là đúng vậy.

5- NGUYÊN CĂN NAM PHONG DO ĐÂU SẢN XUẤT

□ TẠI ĐỀN THÁNH, THỜI TÝ MÔNG 5
THÁNG 5 MẬU TÝ (DL. 11-06-1948)

Hôm nay Bản Đạo giảng tiếp câu Thánh ngôn của Đức Chí Tôn «*Nam phong thử nhứt biến Nhơn phong*». Bữa trước Bản Đạo đã giải rõ đại công của nền nhơn luân phong hóa của ta. Nay ta sưu tầm căn nguyên của Nam phong coi do đâu mà sản xuất. Bản Đạo đã giảng là cốt yếu muốn thực hành phong hóa nhà Nam, phải do nơi Nho tông mà làm căn bản.

Thời kỳ này Chí Tôn đến, lấy Nho tông để chuyển thể và thi thố cho cả toàn cầu vạn quốc một triết lý tối tân, dựng chính đốn sửa đương những tệ tục tối phong của nhơn loại mà đem vào Thánh chất của con người. Đức Chí Tôn đã tìm định đến dựng sửa đương. Vậy ta nên tìm hiểu Nho tông là thể nào? Đã cho ta vật gì? Có đủ phương tiện mà chuyển thể dựng chỉnh? Trước hết ta

phải biết trong tay ta có khí cụ gì rồi mới có đủ can đảm xông pha ra chiến trường quyết thắng, tìm xem coi nhưn loại đang thiếu thốn điều gì và xem coi nhưn loại đang tìm kiếm vật gì, mà vật ấy chúng ta có hay không?

Nói đến Nho tông, thì chẳng còn gì phải biện thuyết nữa, vì đã có chẳng biết bao nhiêu là Hiền môn, Thánh tích để lại từ thử. Kể từ ngày Đức Khổng Phu Tử giáng thế đã hai ngàn năm trăm (2.500) năm, nếu ta suy xét cao xa hơn nữa thì ta thấy Đạo Nho phát sanh từ vua Phục Hi là tối cổ hơn hết. Ta không thể tìm đâu xa hơn nữa, duy biết rằng Đức Khổng Phu Tử học Nho của ông Châu Công, đang chính đốn lại Đạo Nho, khi Ngài đến tại thế này vậy.

Đạo Nho đã làm được những gì? Ta thấy Đạo Nho của chúng ta có Hội Thánh mà Hội Thánh ấy bí ẩn khéo léo lạ lùng duy có một người có thể kiến thiết quốc phong của một nước mà thôi, chớ không đủ năng lực chuyển cả tâm lý toàn cầu được. Vì sự khuyết điểm ấy, Đức Chí Tôn mới đến lập Hội Thánh, đền thờ của Ngài kêu là Cao Đài, danh từ đó chỉ rõ đền thờ cao trọng của Ngài tại thế này, tiếng Pháp gọi là Haute Église (nghĩa là đức tin cao trọng).

Hỏi Hội Thánh của Đạo Khổng lập quốc thế nào? Ta thấy Hội Thánh của Đạo Khổng trong gia đình làm gia pháp biến sanh ra phong hóa gia nghiêm đó vậy. Người chưởng quản gia đình tức là giáo sư, Hội Thánh của Đạo Khổng tức là ông cha, nên thiên hạ thường kêu là chủ gia.

Trong hương đảng có Hội Thánh của hương đảng, theo cổ tục thì ông Hương Chủ là chủ của Hội Thánh hương đảng, còn chức Hương Cả và Đại Hương Cả là người ta mới bày ra sau đây mà thôi. Trong hương lân ngày xưa, chức Hương Chủ là lớn hơn hết vậy. Khởi đầu trong

gia đình, rồi mới tới hương lân, rồi mới ra đến quốc gia, người chủ của quốc gia ấy là nhà Vua. Ông cha ta trong gia đình, ông Hương Chủ trong hương thôn, ông Vua trong nước, cả ba người ấy giữ ba giếng mối đạo, phụng thờ ba Tôn giáo. Tổng số ba Tôn giáo ấy lại là Nho tông.

Ông cha trong nhà thì thờ Tiên Tăng Tổ Khảo của Tông Môn, ông là giáo sư, là thầy cả trong gia đình. Ông Hương Chủ thì thờ Chư Thần tức là cả Công Thần vì nước mà hy sinh tánh mạng, được nhà Vua ân tứ làm chủ hương lân, nên trong làng ta chỉ thấy có đình thờ Thần thiên thu phụng tự mà thôi, nên ông Hương Chủ là thầy Cả của làng. Nhà Vua thì thờ Đức Chí Tôn tức là Ngọc Hoàng Thượng Đế, ta thấy sự tế tự Đấng Chí Tôn ấy lưu truyền từ đời thượng cổ, nên hằng niên mới có tế Nam Giao, đó là tế Đức Chí Tôn vậy.

Từ đời lập quốc đến giờ, trong phong hóa nhà Nam không thấy lúc nào sơ thất sự phụng tự, nếu đoán chắc là nhờ âm chất của tổ tiên ta biết phụng thờ Đức Chí Tôn, cái thâm tình ấy còn lưu truyền lại mà ngày hôm nay Ngài mới đến đặng đền bồi ân nghĩa ấy lại có lẽ. Thế thì Ngài đến vì Tổ tiên ta đã gieo mối thâm tình nông hậu, chớ chẳng phải vì sự tình cờ mà Ngài đến nước Việt Nam nầy đâu. Trong phong hóa của ta gồm có: Phong hóa của nhà, phong hóa của làng, phong hóa của nước, tức là phong hóa chung của xã hội nhưn quần Việt Nam ta đó. Bây giờ chúng ta khảo cứu coi Nho tông đối với xã hội là gì? Tức nhiên ta thấy là luật pháp, tuy rằng 86 năm nay bị ảnh hưởng của văn minh Âu Châu, chúng ta lãng quên nền phong hóa tốt đẹp của ta mặc dầu, nhưng tự cổ chí kim chưa nước nào có đặng.

Chí Tôn đã đến, Đạo Nho có Thất thập nhị Hiền, và Tam thiên đồ đệ, Chí Tôn lập Hội Thánh có Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lục Thánh, Thất thập nhị Hiền, và Tam thiên đồ đệ, rõ ràng là Hội Thánh của Đạo Nho đó. Hiện giờ ta nhận thấy Ngài áp dụng nền chánh trị của nhà Châu dựng lập chánh trị của Đạo, làm cho cả cơ quan yếu thiết của Đạo Cao Đài ra thiệt tướng, đặng đủ năng lực chuyển thế, ta không có gì mà nghi ngờ nữa cả.

Gia nghiêm của ta lập thành do phong hóa của tổ phụ để lại có những gì? Căn bản gia nghiêm hay gia pháp do **nhơn luân chi Đạo**, nên lấy nhơn luân làm chuẩn đích, mà nói về nhơn luân thì mỗi người đều biết. Khởi đoan là hôn phối, việc vợ chồng đối với nhau để trọn quyền của ông chủ gia đình liệu là người chồng, sau quyền chủ gia ấy lại có quyền nội trợ để cho người vợ, hai quyền ấy vô đối. Ta thấy lối 100 năm trước đây, quyền của cha bảo con chết cũng phải chết, không phải bất hiếu như ngày hôm nay của những kẻ học đòi theo lượn sóng tự do văn minh vật chất, rồi còn trở lại muốn làm chủ cha mẹ. Không, Nho pháp không cho có quyền lực ấy bao giờ. Nho pháp không chịu cho cái giọt máu, cái giọt khí huyết, do vật ấy tạo hình, lại muốn làm chủ vật ấy tạo đoan ra nó, như vậy là sai luật thiên nhiên của Chí Tôn dĩ định. Hỡi vậy cái quyền nắm đạo nhơn luân trong tay của ông cha ta quan sát theo con mắt của đời văn minh nầy thì nói là quyền áp bức có phải? Hại thay! Nếu quyền ấy không chính đốn lại phong hóa của con người đem vào khuôn khổ thuần phong mỹ tục thì cả nhơn loại trên mặt địa cầu nầy sẽ chạy theo hưởng ứng với sự tự do mà đi đến địa vị con vật, là mất hết tính chất làm người đó. Tự do kết hôn, tự do định phận,

không cần cha mẹ là những người đã trọn kiếp sanh lịch duyệt thể tình, mà sự lịch duyệt ấy còn vốn thiếu; nên ta hằng thấy cảnh tượng của sự tự do định phận ấy, đã làm bại hoại thân hình, tâm lý con người tại thế thể nào rồi, điều ấy không chối cãi được.⁽¹⁾

Bần Đạo buổi ấu xuân bị ảnh hưởng của tự do, thấy sự kềm thúc của gia nghiêm lấy làm khó chịu. Khi ấy Bần Đạo đang học Pháp Văn. Lúc về thăm ông thầy Nho, khi đến đó ông mới tường thuật tình cảnh bối rối gia đình của một vị quan viên bà con xa với Bần Đạo. Vì vợ làm khổ tâm cho chồng là vị quan viên ấy, đến nỗi gia đình phải tan nát. Ông tường thuật câu chuyện nầy vừa xong thì lại than rằng: *“Hại thay! Vì buổi trước không phải cha mẹ định hôn, mà tự do kết hôn nên ngày hôm nay mới ra đường ấy”*. Thừa dịp ấy Bần Đạo mới vấn nạn ông, Bần Đạo hỏi rằng: *“Gia pháp của ta nghiêm khắc quá lẽ, đến sự chần con như chúa ngục chần tù, nếu không có quyền tự do thì con sẽ tới tam ngu dốt?”*. Ông lại trả lời rằng: *“Không, không phải gia pháp áp bức làm cho con mất tự do đâu, mà trái lại người có quyền lắm chớ, đến nỗi gia pháp định cho mẹ phải tùng con kia mà **“tại gia tùng phụ, xuất giá tùng phu, phu tử tùng tử”**. Quyền của con còn có thể thế cho quyền cha được rồi, thì có áp bức chõ nào đâu? Chỉ có kềm thúc tâm tình của con cho nó đừng thương ai trước khi thương vị hôn phối của nó, để cho nó đủ đầy tình ái mà thương người vợ tương lai của nó vậy thôi. Muốn định hôn cho con thì trước hết cha mẹ đã lựa chọn tâm lý của vị hôn thê coi có hòa hiệp với tâm tình của con mình không, chứ chẳng phải xem xét tánh đức mà thôi, mà cha mẹ là người lịch lãm thế tình, nên thâm hiểu cả tâm tình của đôi lứa,*

dầu cho đôi lúa chưa biết nhau trước mà cũng có thể chung khổ cùng nhau, đồng tâm đồng chí thương yêu nhau đặng.”

Đạo Nhơn luân khởi thủy từ hôn Nhơn, mà Nho phong đã định cho cha mẹ vi chủ, nếu để cho đứa con vi chủ thì chỉ có hư mà thôi, mà gia đình hư tức nhiên sẽ có ảnh hưởng tới xã hội vậy.

Đây là Bản Đạo duy mới nói có gia nghiêm mà thôi, vậy bây giờ chúng ta luận về tâm lý. Sự háms vọng tự do quá lẽ, mà đưa tâm lý con người đến mức khả ố, nguy hiểm không thể tả được. Ta thấy nó gieo trên mặt địa cầu này một triết lý vô lối là triết lý: Vô phụ, vô quân, không quẻ hương, không gia đình, bởi vậy ta mới thấy thể tình con sanh ra ngỗ nghịch, không tuân phụ huấn. Thằng như ngoại Nhơn có hỏi đến tại sao đã lớn, đã khôn, mà không biết nghe lời phụ huấn cư xử với đời vô để vô Nhơn không còn tình thương Nhơn phẩm, thì chư Đạo Hữu biết kẻ bất hiếu kia sẽ trả lời ra sao không? Nó trả lời rằng: *Tôi không xin họ sanh tôi, tôi không muốn họ sanh tôi, chẳng qua là họ vì lỗ mà sanh tôi nên họ phải nuôi tôi đó thôi.* Ôi! Ân đức thâm sanh thật không còn có nghĩa gì hết.

Những tục lệ ấy nếu Đạo Cao Đài không xuất hiện đặng chỉnh đốn lại, sợ e cả Nhơn loại trên mặt địa cầu này sẽ thành ra ác thú.

6- NAM PHONG ĐỐI VỚI PHONG HÓA CÁC DÂN TỘC KHÁC

□ *TẠI ĐỀN THÁNH, 12 THÁNG 5 NĂM
MẬU TÝ (DL. 18-06-1948)*

Hôm nay, Bản Đạo tiếp tục khảo cứu phong hóa của dân tộc Việt Nam đối với phong hóa các dân tộc khác, cốt

yếu xem coi chúng ta có phương gì chỉnh đốn đạo Nhơn luân của họ đặng? Mấy kỳ trước Bản Đạo đã giảng rằng: *Đạo Nhơn luân khởi doan do chồng vợ, có chồng vợ mới có cha con, có cha con mới có dân tộc lập thành quốc gia xã hội.*

Đương nhiên chúng ta thấy đạo Nhơn luân của các sắc dân trên mặt địa cầu buổi nầy đã nghiêng đổ và lung lạc tất cả, như là bên Âu Châu, đạo Nhơn luân của họ tối tệ là thường, Bản Đạo thấy rất nên bại hoại, từ thử đến giờ chưa nghe ai nói cha lấy con, anh lấy em, mà bên Âu Châu thường có xảy ra điều ấy. Hại thay! Trải qua tám chục năm nay những tánh tình yêu nghiệt ấy lại truyền sang đến nòi giống chúng ta, ngày nay vẫn còn thấy tấn tuồng đó nữa, yêu nghiệt đã biến tướng biểu sao thiên hạ không loạn được. Đạo Nhơn luân đã vậy, tinh thần của con người không còn biết phẩm vị, Nhơn cách gì hết, nên hột giống ác nghiệt biến sanh ra mãi thôi. Thành thử Nhơn loại ngày nay quá bạo ngược, tương tàn tương sát lẫn nhau, người đối với người còn dữ hơn thú đối với thú nữa, vô Nhơn vô đạo, cha không xứng phận cha, con chẳng biết đạo con, anh chẳng ra anh, em chẳng ra em, chồng không nên chồng, vợ không đáng vợ, nên luân lý của Nhơn loại trên mặt địa cầu nầy không còn có khuôn khổ gì hết. May thay! Đạo Nhơn luân của tổ phụ chúng ta lưu lại, dầu bị ảnh hưởng của văn minh ngoại bang làm cho ô ố đôi chút, nhưng nhờ Đức Chí Tôn đến phổ truyền nền Chơn giáo của Ngài nơi đất Việt Nam nầy, có thể còn sửa đương đặng và lại sẽ làm khuôn mẫu cho toàn cả các sắc dân nơi địa cầu nầy bắt chước theo nữa.

Đạo làm chồng, chúng ta có gương xưa tích cũ, nhờ nơi Nho tông rất oai quyền, nghiêm khắc, mặt luật của

nó kèm chế tâm lý của con người. Đạo Nhơn luân của nhà Nho ta có cái vẻ đẹp thiên nhiên, ai tiêm nhiễm đến cũng sanh mê mẩn, cảm kích, vậy mới tạo tâm lý theo Nho tông làm hình trạng tinh thần Nho Đạo, khuôn tuồng đó duy ở Việt Nam mới có, còn các Tôn giáo khác hình tướng lại biến ra làm khuôn mẫu riêng trên sân khấu đời, nên Đạo Nho tông thâm nhập vào cốt thể của cả thủy con người đặng. Bao nhiêu gương để chỉnh đốn đạo Nhơn luân, cốt yếu làm con người biết **đạo vợ chồng** là trọng, đặng sửa đương cho nhau lập mình lên bậc chí Thánh. Như thời xưa vợ ông Châu Công, Ngài là Tế Tướng đầu triều mà bà vợ vẫn lo canh cửu làm ăn nuôi mẹ chồng, một vị mạng phụ phu Nhơn mà cư xử được như vậy thật đáng quý. Kịp đến khi ông hồi hưu, buổi già cả vợ chồng đối với nhau như chủ khách. Nước ta lại có bà vợ của ông Phan Thanh Giản. Ông xuất sĩ rồi bận việc triều chánh luôn, hết khi ở Bắc rồi lại vào Trung, không mấy khi vào Nam. Bà mạng phụ ở nhà với cha mẹ chồng lo thủ hiếu thay thế cho chồng, xét ra thì gương ấy cả Âu Châu cũng chưa hề có vậy. Ngày giờ nào, gương mẫu tiết liệt ấy trải ra cho toàn phụ nữ trên mặt địa cầu nảy đồ theo, thì ngày ấy danh thể của phái nữ mới được trọng nề, nhứt là phụ nữ Cao Đài cần phải làm cho đặng, hầu sửa đương nền phong hóa của Việt Nam trước đã.

Còn về sự tối tệ thì chúng ta hằng thấy tích xưa điển cũ, như có câu: «*Đổ phụ loạn gia*». Lạ lũng thay và khéo léo thay! Chẳng phải do ở bọn hàn mặc hoặc thượng lưu trí thức, lại ở nơi một người đàn bà hạ tầng, đủ khôn ngoan đạo đức có đủ hạnh kiểm có thể sửa chồng nên phận được.

Xưa kia có người lính cảm lộng cho Yến Tử là quan Tế Tướng. Ông này thì nhỏ người, còn chú lính cảm lộng thì to lớn kịch cỡm. Ông Yến Tử tuy là Tế Tướng đầu triều, nhưng con người có tánh cách nho nhã, nề nếp nhà quan, không kiêu hãnh, gương mặt khiêm hòa, còn chú lính cảm lộng lại vênh mày vênh mặt, bộ tướng tá nghênh ngang, tưởng rằng không phải Yến Tử mà chính anh ta là Tế Tướng đầu triều mà chớ! Lúc Tế Tướng đi ngang qua, người vợ chú lính núp kẹt cửa thấy vậy, nên khi về nhà mới đòi làm tờ đề. Anh ta hỏi tại sao? Người vợ nói rằng: «*Thiếp núp sau cửa, thiếp thấy chàng đi ngang, Quan Tế Tướng, Ngài thì nhỏ người mà gương mặt nho nhã, tỏ vẻ hạ mình còn chàng thân hình to lớn mà chàng hiên ngang coi trời đất quá lớn, vì thế, thiếp lấy làm hổ người không thể ở với chàng nữa*». Nhờ vậy, chú lính ấy biết cảm hóa, sau sửa mình lập thân trong hàng ngũ quân binh lên đến bậc Tướng. Ấy vậy, đạo như luân nếu biết giữ chặt, thì vợ có thể làm nên cho chồng, dạy chồng nên đạo được. Phụ nữ Cao Đài cũng thế đã hai mươi ba năm nay tiêm nhiễm đạo đức tinh thần, tạo đầu óc tâm não, vậy tìm phương dạy chồng thế nào!

Có nhiều hạng người được vinh vang thì lên mặt phách xác, không nhớ đến căn bản hèn hạ của mình khi trước, phải biết rằng chúng ta đứng đờ với thiên hạ được là nhờ Chí Tôn tô mày vẽ mặt cho đó, hạng này rất nhiều, phụ nữ nên để ý sửa dạy cho họ bớt tâm tự kiêu đôi chút.

Đối với cha con, Nho tông để lại nhiều vẻ đẹp của tổ phụ chúng ta lưu truyền đặng làm chuẩn thẳng mà sửa đương xã hội và lập quốc. **Cha hiền mới sanh con thảo**, con thảo là hạt giống để làm một nền móng tương

lai, tương lai quý hóa không thể tả, bởi Tiên Nho chúng ta đã nói: *«Vua Nghiêu tìm ông Thuấn dựng truyền ngôi, chẳng vì lẽ gì hơn là nghe danh ông Thuấn chỉ hiệu, mà một khi ta được chỉ hiệu rồi thì không gì sánh bằng. Có hiệu rồi mới có nghĩa, có trung, có cương, có trí, nghĩa là hề có hiệu rồi thì có thể có đủ hết tính đức khác».*

Ngày xưa người ta tìm **hiếu**, đến tại nơi thôn lân, huyện, phủ, tỉnh lý, để hỏi thăm những gương hiếu thuận. Người ta tìm hiếu tức là tìm hiền, do cái hiếu ấy suy độ ra cái hiền của bậc danh thần triều chánh, mà muốn có hiếu thì cha phải có từ vậy. Bản Đạo thấy quốc dân Việt Nam bị ảnh hưởng của ngoại quốc, con không cần cha, cha không biết đến con, tồi phong tệ tục ấy đã thấy rõ ràng trước mắt. Bởi vậy, trong xã hội có ba người quan trọng: Cha, Chủ, Chúa. Cha là ông chủ của một gia đình, Chủ là ông chủ của một hương đảng, Chúa là ông chủ của một nước, cả ba vị ấy làm đầu từ gia đình lên xã hội. Nếu quyền cha nắm không kham là do người cha bất lực. Truy căn nguyên là do tại tự do kết hôn, chồng không phải chồng, vợ không phải vợ, cặp xách với nhau rồi tự lập gia đình, đạo nhưn luân không có chỗ nào ràng buộc, chẳng qua là chơi hoa giỡn nguyệt, không căn bản gì hết, biểu sao khi sanh con ra mà chúng lại không trở nên kẻ vô bổn. Nhứt hạng Việt Nam lai của ta là tối hại.

Bản Đạo đã nói để cha mẹ định hôn, như thế có lợi hơn vì như ta vẫn thấy, cả kiếp sanh lúc còn nhỏ, cha mẹ còn đủ, đến ông nội, ông cố cũng còn nữa, trọng một chút là ta vẫn cũng còn thấy đông đảo, đó là khi chưa biết khôn, khi đã khởi biết khôn ngoan thì ông nội đã đi đâu rồi, rồi cha mẹ đã già, mà mình cũng già nữa, trong lúc

ông bà cha mẹ mất, mình cảm thấy cái quyền trong tâm lý của mình cũng mất.

Cha mẹ là bậc cao kỳ trí thức, đáng kính, đáng tôn, khi cưới vợ cho con dâu cho chúng ta chưa có tình thương nồng nàn đi nữa, nhưng thời gian qua chừng nào, nhứt là khi cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng đã khuất, thì vợ nhận thấy ở chồng là hình ảnh người cha của mình, còn chồng nhận thấy ở vợ là hình ảnh mẹ của mình, nên được khuấy khỏa tấm lòng và khăn khít không lìa nhau là vì lẽ ấy. Nói gì trên bực trong dâu, một đời nếu không có xảy ra điều gì thì thôi, còn nếu có xảy ra điều chi sanh phiền sanh giận, thì chừng ấy không phương thuốc gì trị được cả, tâm lý phải chia lìa thì tình kia phải xa cách, mới dễ bỏ nhau thay chồng đổi vợ, con cái sanh ra thấy tấn tuồng ấy tập tành học theo, biểu sao tương lai không hư hèn và tánh đức không lạc lảm phạm tâm lìa đạo đức. Làm cha mẹ nếu chúng ta biết Tiên Nho đã đối với con người như thế nào, và toàn cả xã hội Việt Nam, cả nòi giống cùng con như thế nào, đến nỗi trong một Tông đường có đứa con nào ngộ nghịch cha mẹ định từ bỏ thì chỉ nói ngoài cửa miệng, chớ chưa thấy ai từ con được bao giờ.

Nhớ lại, khi Bản Đạo đi ngoài Qui Nhơn, gặp một ông già tên là ông Sáu Chèo, vì ông bán chèo nên mọi người kêu như vậy, vô nhà nhìn thấy bàn thờ ông bà không có treo tranh biển gì hết, chỉ để một câu đối, mà chỉ có một vế thôi: *“Nhược niệm Cửu Huyền chi bốn, khả năng tu tính ngộ thân”*, nghĩa là: *“Nhớ đến Cửu Huyền thì phải rán gìn giữ thân mình”*. Bản Đạo thấy thờ có một câu mà không có sơn thủy gì hết, lấy làm lạ thì ông nói: *“Một câu đó đủ nghĩa để dạy con cái biết tuân theo, thành tâm tu chỉnh thì*

Cửu Huyền sẽ vinh diệu, biết giữ thân mình không bịnh nhược thì sanh con sáng láng mạnh khỏe khôn ngoan”. Đời bây giờ thiên hạ mê đường hoa nguyệt phong tình, sanh con lớn lên thành ho lao, ho tổn, hay tật nguyên, có nhiều sắc dân sanh con thấy tàn tật ghê khiếp lắm, vì có mà mấy năm trước đây Hitler thi hành chánh sách của Đức Quốc Xã xử tử hay là thiến những kẻ tàn tật, bịnh hoạn, lấy lý rằng kẻ ấy chẳng giúp ích gì cho nước, chẳng những thêm một miếng ăn cho xã hội lại còn di hại cho nòi giống nữa, nên giết bỏ đi chỉ chừa lại những dân đỉnh cường tráng, nhưng vì Đức Quốc Xã đã làm quá lẽ thành ra tàn ác nghịch đạo làm người.

Tổ phụ chúng ta không thi thố chánh sách ấy, chỉ dùng tinh thần đặng giữ con cho nó tránh khỏi sự bực nhược đã nói, mà nòi giống Việt Nam này không bị tiêu diệt là nhờ khéo giữ đạo nhưn luân từ trước đó vậy.

7- NAM PHONG ĐỐI VỚI PHONG HÓA CÁC DÂN TỘC KHÁC (Tiếp Theo)

□ *TẠI ĐỀN THÁNH, ĐÊM 19 THÁNG 5
NĂM MẬU TÝ (DL. 25-06-1948)*

Bản Đạo giảng tiếp về khảo cứu phong hóa nước ta đối với các dân tộc vạn quốc.

Bản Đạo đã giảng rằng trong quốc gia xã hội chúng ta có ba quyền: Cha, Chủ, Chúa. Ba quyền ấy cầm cả chánh trị của nước nhà, có khác nhau chẳng duy có nhỏ và lớn, chớ chánh kiến vốn đồng với nhau. Ba quyền ấy làm nền tảng cho phong hóa chúng ta vậy.

Hôm nay, Bản Đạo tiếp giảng về quyền làm cha và triều chánh của ông cha, tức là gia đình liên quan thế

nào đối với triều chánh của làng và triều chánh của nước.

Chúng ta thấy trong ba quyền ấy, duy có quyền chúa là trên hết, sau biến tướng đến quyền cha, quyền thầy. Ấy là đạo **Tam Cang: Phụ tử, Sư đệ, Quân thân**. Bản Đạo sẽ giảng rành mạch về quyền chúa ấy sau. Bây giờ Bản Đạo giải rõ quyền cha mà thôi.

Vả chẳng chúng ta để ý cho tận tường xem coi xã hội chúng ta thấy có điều đặc sắc riêng biệt không giống với các xã hội khác, là từ khi Đức Khổng Phu Tử hiệp ba quyền ấy làm Hội Thánh của Ngài. Ông cha tức là thầy của gia đình, ông chủ tức là ông thầy cả của làng, ông vua chúa tức là ông thầy cả của nước. Vì có nên hình trạng của ba quyền ấy Bản Đạo nói rõ là lớn nhỏ khác nhau, mà chánh kiến vẫn là một. Trong gia đình nếu ta không gọi là ông Cha thì gọi là ông Chúa của gia đình, cầm đầu cái triều chánh của ông, bà vợ trong gia đình, người ta còn gọi là Nội Tướng tức là Thủ Tướng của gia đình, cả con cái là Lục Bộ Đài Quan, tôi tớ hoặc những công nhân giúp việc trong gia đình tức nhiên là toàn dân vậy.

Ấy vậy, gia đình theo phong hóa Việt Nam ta rất trọng hệ, ông Cha của gia đình cũng như ông Chúa của nước vậy, nên xét ra đến cực điểm phong hóa của ta thì thấy tốt đẹp lạ lùng, chỉ vì ta không quan tâm đến thôi, nếu để ý ta sẽ vui hứng hạnh phúc đặc biệt, bởi không có dân tộc nào giống như chúng ta, kỳ dư nước Tàu cũng chịu một ảnh hưởng văn minh như chúng ta mà cũng không đồng một vẻ hay là giảm bớt thì có. Trọng hệ là gia đình, mà gia đình có được trọng hệ thì ông Chúa của gia đình mới trọng. Vì có đạo làm Cha, phong hóa chúng ta kính trọng một cách vô đối. Đối với xã hội, tổ phụ chúng ta

biết con cái lớn lên phải lập gia thất, nên mới lưu truyền món hương hỏa ấy. Lấy gia pháp làm chủ đích, gia pháp ấy biến ra gia nghiêm, mà gia nghiêm chặt chẽ kềm thúc con cái chẳng có ý chi khác hơn là dụng oai quyền đó mà tạo một vị Chúa tương lai cho gia đình, nên tổ phụ chúng ta trông nom điều trọng hệ ấy mà hủy bỏ cả hành tàng phụ thuộc ở ngoài là cả sự sanh hoạt của gia đình, chỉ lo bảo thủ lấy tinh thần làm Cha tương lai cho đúng giá trị của nó.

Lạ chi đối với nòi giống của chúng ta thường nghe mọi người nói: “*Phụ có từ, tử mới hiếu*” mà Bản Đạo đã nói rằng cả tánh đức của con người đứng đầu trên hết là hiếu, Bản Đạo cũng đã giảng, đời Thượng cổ người ta đi tầm hiền chỉ do nơi hiếu, nên Vua Nghiêu chọn ông Thuấn kế vị cho Ngài là vì ông Thuấn là bậc chí hiếu, tánh đức hiếu ấy là cái năng lực căn bản của các tánh đức khác, nó là tánh đức của đạo đức tinh thần và nó đi gắn tánh chất của loài người. Con người đã có hiếu thì các tánh đức tốt đẹp khác đều là phụ thuộc, bởi vì khởi đoan của tâm hiếu, không phải biến sanh một ngày, một bữa gì mà kể từ giọt sữa mẹ mà hiện ra làm căn bản môi giới cho các tánh đức khác nảy nở, mà ta đã thấy và định quyết rằng người đã làm được con hiếu thì thế nào cũng sẽ là cha từ. Mà hạng phụ từ rất tối cần, tối trọng cho xã hội vậy.

Ấy vậy, trong gia đình phải có phụ từ, mà tại sao cha phải từ? Phương ngôn nói: “*Cha hiền sanh con thảo*”, lại có câu: «*Hiếu thuận hườn sanh hiếu thuận tử, ngộ nghịch hườn sanh ngộ nghịch nhi*», sách xưa truyện cũ ta thấy còn lưu lại nhiều thành tích rất quý hóa. Đứa bé thơ kia học ai trước hết? Học cha mẹ nó. Trí óc non nớt của nó chưa có hình trạng gì, bởi lúc sơ sanh không có điều gì ô

trước dính vào chung quanh nó, hỏi nó trông vào ai, dòm ai. Dòm cha bắt chước cha, dòm mẹ bắt chước mẹ, dòm anh em bắt chước anh em. Trong gia đình nếu có gương cha lành, thì sự ấy huyền bí thay! Nó sẽ bắt chước như vậy, dầu buổi sơ sanh, đứa con chưa biết nghe, hiểu thấu đáo cho thấu lý, nhiều khi cha mẹ dạy nó không tuân, Bản Đạo vẫn quả quyết rằng cái phụ giáo và mẫu giáo đó không mất, dầu đứa con có lơ lảng không nghe đi nữa, chớ rồi nó cũng hằng để vào tâm cái huyền diệu vô đoán ấy, chúng ta không thể tưởng tượng được, khi cha mẹ khuất rồi, đứa con sẽ tiềm tàng cái giáo hóa buổi sơ sanh ấy làm căn gốc trong bản tâm của nó.

Làm người cha hiền không biết làm mất tự do của con, trái lại còn trọng nữa, trong xã hội chúng ta như vậy đó. Đừng thấy hình trạng giáo hóa bề ngoài lấy nghiêm trị làm căn bản mà gọi rằng đối với nòi giống chúng ta cha mẹ áp chế con làm mất tự do của nó. Không phải như vậy đâu! Có lẽ vì nhìn thấy Tông đường hư hoại, nên cha mới nghiêm trị con, đặt bảo thủ tương lai của Tông đường, chớ chẳng phải cố làm cho mất quyền tự do của con.

Bản Đạo giảng tích này cho cả thầy nghe mà suy gẫm, thì thấy nòi giống chúng ta vốn trọng sự tự do của con cái mà trọng một cách khéo léo.

Đời Tiên Lê có ông Thừa Tướng đầu triều không có con. Hai ông bà thường đến chùa này miếu kia cầu tự. «*Nhơn hữu thiện niệm, thiên tất tòng chi*», nên bà vợ hạ sanh được một đứa con trai. Quan Thừa Tướng đã niên cao kỹ trưởng mà có một đứa con trai thì nỗi mừng vui đó không thể luận được. Người Nam mình hay ví trứng mỏng cũng không ví bằng cậu công tử đó nữa. Từ khi

nhỏ đến lớn, trong gia đình đối với cậu thì ai cũng là tôi đòi nô lệ hết. Hai ông bà cứng đáo để, lớn lên rồi hễ thấy cứng lại thêm nhổng nhẻo, rồi du côn, rồi hoang đảng chi địa vô giáo dục. Tấn tuồng xảy ra như vậy mà quan Thừa Tướng và phu nhân cũng không dám động tới, vì quá cứng thì còn ai dám động tới cậu nữa đâu, cậu muốn lên trời hay xuống đất gì cũng được.

Đến tuổi đi học, cho vào trường thì không ai chịu nổi, con các quan bị cậu đánh luôn, ngày nào cũng có mắng vồn. Thấy tình trạng như vậy, biết con mình bị cứng quá không ai động tới được. Đến khi trưởng thành 17, 18 tuổi, ôi thôi thanh lâu, tửu quán, trà đình, cờ bạc, không món nào mà cậu không có, ngoài ra còn du côn, du đảng, ai thấy gia đình ấy mà không nói rằng do căn trước tạo nhiều quả nên nay phải thống khổ tinh thần như vậy. Nhưng ông bà cũng vẫn cứng không động gì tới cậu công tử cả, ông chỉ buồn than nói với ông bạn là quan Hình Bộ Thượng Thư rằng: *“Tôi có một đứa con mà con cầu, con khẩn nên nay mới ra cơ đổi”*, thì ông bạn nói: *“Thưa quan Thừa Tướng, nếu Ngài giao quyền trọn vẹn cho tôi đem lệnh lang về ở với tôi dạy tôi giáo hóa thử coi”*. Quan Thừa Tướng đã hết phương rồi, nên giao cho ông bạn dạy dỗ cũng không được gì hết, cậu công tử vẫn còn buông lung điếm đảng hơn nữa, nên ông định dùng oai quyền mà trị, mới cho quan Thừa Tướng hay: *«Tôi phải dụng quyền đối với lệnh lang mà đối với Ngài nữa, việc làm của tôi thế là nhẹ thế Ngài, nếu Ngài vui lòng như vậy, tôi mới sửa lệnh lang dạy»*. Quan Thừa Tướng chịu: *«Bạn làm sao giúp tôi được thì làm, vì tôi cùng đường hết kế rồi»*. Quan Hình Bộ Thượng Thư thả cho cậu công tử ra ngoài đánh lộn, giựt cửa, làm

đủ thứ, rồi bắt bỏ tù, lên án như các tội nơn khác vậy. Vô khảm cậu bị đánh khảo tra tấn chịu không thấu, thông tin về nhà cho Thừa Tướng hay. Ngài làm như tuồng cha đau lòng vì con, ra chịu tội trước triều đình, rồi Ngài và quan Hình Bộ Thượng Thư đến người này người nọ xin tha thứ, đi tới đâu dất công tử theo tới đó, cậu thấy khổ trạng như vậy nên lương tâm tự hối, biết tội mình làm để lụy đến cha đường ấy.

Về nhà ông rước thầy cho đi học thêm nữa, vì cậu đã biết ăn năn, sợ cha mẹ và chịu ở nhà không dám phóng túng chơi bời nữa. Nhưng, trong gia đình cũng không chiều được cậu chỉ kiêng có cha mẹ thôi, ngoài ra không kể ai cả, nổi giận là cậu đánh đập liền. Ông mới tính một phương thế, lấy cớ là con nhà trâm anh, bắt cậu để móng tay, từ đó cậu ít đi ra ngoài chơi bời, mà cũng hết đánh thiên hạ nữa, là vì cũng bị lật móng tay hai ba lần gì đó, nên hoảng mà thuận nét lại. Đến khi triều đình mở khoa mục, cậu nhờ trí thông minh sáng suốt lạ thường lại học giỏi nên được chấm đậu Trạng Nguyên. Nhà vua và cả mọi người biết tánh đức của cậu trước như vậy mà nay được như vậy thì ai cũng mừng, trong gia đình còn mừng hơn nữa. Thiết lễ Tân quan, khi vị Tân quan vào bái lễ Từ đường, rồi trở ra hội yến với các quan, quan Thừa Tướng mới kêu con lại nói: «*Ngày nay con đã vinh hiển rồi sẽ ra làm quan thì móng tay con không để làm chi nữa, con đưa đây cho cha*», ông cắt tử tế, đem vào bàn thờ Từ đường, lấy giấy đỏ gói lại, bao ở ngoài một lớp hàng đỏ nữa, để bốn chữ “*Trấn tâm chi bữu*” nghĩa là của báu để trấn tâm, ông đưa lại cho con và dạy rằng: “*Từ đây trở đi hoặc sau này con có kể chí cha làm đến đâu triều, vật trấn*

tâm chi bữu này cũng không nên rời con”. Thì y như vậy, từ đó về sau, cậu con trai thăng quan tiến chức, kể được chí cha làm đến đầu triều, mà cái gói trăn tâm chi bữu tức là móng tay đó vẫn còn luôn.

Bần Đạo dám cả gan nói rằng: Nhờ cái phụ giáo như vậy, mà triều chánh Việt Nam ta mới bền bỉ, và chắc chắn rằng người đó là kẻ đem viên đá đầu tiên xây nền độc lập từ trước đến giờ, nhờ cái tinh thần đó mà chúng ta đạt được tinh thần độc lập ngày nay.

Phụ giáo rất cao kỳ quý hóa. Nếu xét tường tận như vậy thì ta chưa đáng phận làm chúa gia đình. Trước khi tạo gia đình, cần suy gẫm coi ta có xứng đáng làm chúa làm nội tướng chẳng rồi sẽ tạo, cả khuôn khổ tốt đẹp nòi giống chúng ta đã xao lãng, nào giục tấn, nào cấp tiến, nào văn minh, nào duy tân đáo để thôi. Tấn tuồng duy tân vật chất đưa đến tội phong bại tục, hiện giờ là hoàn thuốc quá độc hại vậy.

Phong hóa tốt đẹp bị bôi dơ, hỏi vậy chúng ta ngày nay đây, ai dẫn đạo tinh thần mà đã biết như vậy thì nên bỏ hay là phải cố thủ? Phải bảo thủ cái thể chất toàn hảo ấy là điều Chí Tôn mong muốn hơn hết. Ngài không nỡ nói ra, mà Ngài trông cho chúng ta biết phục hồi cái phong hóa của Tổ phụ lưu lại, dựng tạo một văn hóa tương lai cho toàn thể mặt địa cầu nầy vậy.

Nếu Ngài nói ra thì nòi giống Việt Nam sẽ nói là Ngài thủ cựu hay là muốn phá hoại sự tự do của loài người và đời văn minh vật chất này không thể không chỉ trích Chí Tôn với lời lẽ ấy, nên Ngài không nói đó vậy.

8- QUYỀN CỦA CHA

□ *TẠI ĐỀN THÁNH, ĐÊM 23 THÁNG 5 NĂM MẬU TÝ (1948)*

Hôm nay Bản Đạo tiếp tục khảo cứu nền phong hóa của chủng tộc Việt Nam đối với các chủng tộc khác.

Bản Đạo đã giảng rõ về đạo làm cha trong xã hội của chúng ta đã tạo thành một nền phong hóa đặc sắc của nòi giống như thế nào rồi. Vậy, Bản Đạo lần lượt giảng tiếp về cái quyền của cha. Bản Đạo giảng về đạo và quyền của cha trước rồi sẽ giảng về đạo và quyền của chủ, sau chót mới đến đạo và quyền của nhà vua tức là chúa.

Ai cũng biết điều trọng yếu trong xã hội Việt Nam ta là Tổ phụ là nguồn cội của các Tôn giáo, nên từ Thượng cổ Tổ phụ ta đã lưu lại cho nòi giống ta cái cảnh tượng là biết tôn trọng Cửu Huyền Thất Tổ, dầu quá vãng hay hiện tiền cũng vậy, sự sùng thượng ấy còn tồn tại trong tâm hồn mãi thôi, chẳng hề khi nào quên ông bà của chúng ta được. Nên Tôn giáo chơn thật ấy nó buộc vạn quốc nhìn nhận là một Tôn giáo đặc sắc của một sắc dân chơn thật hơn hết. Thế thì đạo như luân của chúng ta là do truyền nối hương hỏa của Cửu Huyền Thất Tổ đó vậy. Ta chẳng còn luận chi sâu xa hơn nữa, chỉ nói cái nợ máu thịt mà nòi giống Việt Nam này xem mắc hơn các nòi giống khác trên mặt địa cầu này. Vì bởi Tiên Nho chúng ta đã lưu lại một lý thuyết chánh đáng chuyên nghiệp để cảm (cảm?)⁽¹⁾ tâm lý của nòi giống chúng ta là «*Bất hiếu hữu tam vô hậu nhi kế đại*». Trọng hệ hơn hết của nền quốc giáo Việt Nam ta, là vô hậu kế đại, tức nhiên thêm vào cái nợ máu thịt mà ông bà ta để lại, nếu không đương nổi thì phải chịu thất hiếu với cả Tông tộc, Cửu Huyền

Thất Tổ. Thất hiếu trọn vẹn, mà đã thất hiếu rồi thì buổi tương lai về cõi Hư Linh không ngó mặt ông bà ta đặng. Vì có, nên việc hôn nhân nơi nước ta có vẻ nghiêm khắc, truyền lại làm căn bản Tôn giáo trong nước, dùng khuôn khổ trọng nghiêm ấy đặng định luật, thì ta chẳng còn ngạc nhiên, hỏi bởi có sao luật như luân lại gắt gao như vậy?

Xưa kia hễ định luật hôn phối với nhau thành chồng vợ rồi thì chủ hướng duy có một điều là nối truyền hương hỏa. Tiếng tục thường nói rằng: “*Dài dòng cả họ*”, nên Tông tộc nào dài dòng cả họ thì hạnh phúc đáo để, trước phong hóa mà được dài dòng cả họ thì được tôn trọng vô đối, tức nhiên buộc đạo như luân phải gắt gao; khi cưới vợ ba năm mà không sanh con trai nối hậu thì đàn trai đặng phép để bỏ và lập thứ. Tại sao? Nếu người đàn ông cả gan vì thương vợ mà không chịu để bỏ thì mang tội bất hiếu với Cửu Huyền Thất Tổ, với cha mẹ kia kìa.

Thấy đạo như luân của chúng ta trọng yếu dường ấy, mà hễ trọng yếu tức nhiên quyền cha vẫn là cái oai quyền cao trọng, quyền cha trong phong hóa chúng ta, nếu con bất hiếu có thể lên án tử hình được, lên án với luật pháp hữu định, bởi vậy nên Tổ phụ ta nói: “*Quân xử thân tử, thân bất tử bất trung; phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu*”, ấy là luật như luân của ta như vậy đó.

Đối với các quốc gia, các nòi giống khác, nếu có công kích thì họ nói đó là làm mất quyền tự do, mất như phẩm của con. Bản Đạo dám chắc rằng họ thêm thuồng lăm mà họ làm không được vì tình trạng phong hóa của ta, các nước Âu Châu không thể đối đặng. Bản Đạo giảng về cái quyền cha mà chính mắt Bản Đạo trông thấy hiển nhiên là khi Bản Đạo mới ra trường đi làm việc, đối xuống

Cái Nhum, có ông Kế Hiền ở làng Chánh An, tên là Kế Hiền Kỷ làm một vị Trưởng tộc trong Tông đường, niên kỷ độ lối 55 tuổi. (*)

Khi ấy trong nhà thờ Tông đường làm lễ cúng ông Cao Tăng gì đó, mà lệ trong dòng họ, người nào đến giờ tế tự mà vắng mặt thì năm đó mất phần hương hỏa. Sự nghiêm trị rất nhẹ nhàng nhưng mực thước, nên kẻ nào trong năm đó bị phạt ắt cất đầu không nổi, rồi chỉ có khóc lóc lén lút vậy thôi nên cả thầy đều phải đến. Bản Đạo tọc mạch theo coi nghe tiếng đồn mà đến, chớ trong Tông đường của Bản Đạo gia phong thì lại khác. Bởi biết ông Kế Hiền Kỷ còn theo Nho lắm, trong lúc ấy Bản Đạo ngạc nhiên thấy trong con cháu, dầu nhỏ, dầu lớn, dầu trọng, dầu khinh, mỗi đứa đều đem tới một món, đi thôi rần rộ, độ 7 giờ cúng thì lối 5 giờ đi rước ông Trưởng tộc, các con cháu xúm khiêng ông, ba bốn chục người giành mà khiêng, còn bao nhiêu đi theo sau kiệu, tới nhà thờ làm lễ nghinh tiếp, ôi thôi! Bản Đạo tưởng nhà Vua cũng không bằng. Vô tới giữa điện thờ, con cháu đem bộ áo của ông cố hay ông sơ gì đó mặc vô cho ông, bịt khăn và trao cho cây gậy. Bản Đạo tưởng tượng đó là ông Vua, ông Chúa của gia đình rõ ràng như vậy.

Còn nếu biết ông trị nghiêm trong Tông đường thế nào thì lại càng cảm mến hơn nữa, vì bởi từ thử chưa hề có một con cháu nhà nào đem nhau tới làng mà kiện thưa một việc chi cả, gia luật thật đáo để đẹp để và nghiêm khắc, như thế mà đã năm sáu đời truyền kế. Tộc phái không kể Nội Ngoại gì cũng kế nghiệp được. Trong Tộc phái ấy có một bộ Tông chi không sót một tên nào mà vẫn còn giữ vĩnh cửu luôn. Ngày giờ nầy các nước ngoại quốc kia

nói nhà Nam ta bảo thủ cổ tục ấy, hỏi có ai làm đặng vậy chưa? Nếu có được thì một phần ít thôi, mà cũng không có nữa. Tại sao? Tại tiếm nhiệm văn hóa Âu Châu rồi đem của quý liệng đi hết của bỏ đem vào, tinh thần đã thành ra bạc nhược, thô鄙, chạy theo thuyết duy vật của văn minh vật chất, quên hẳn khuôn khổ Tổ nghiệp ta để lại rất đẹp đẽ vô cùng, thâm thập những vật không đáng giá, làm xáo trộn nền phong hóa tận thiện tận mỹ. Hỏi thử ngày giờ gần đây ta thấy cái hại trong nước là tại làm sao chăng? Cả đạo nhưn luân điền đảo, biểu sao không trộm cướp loạn lạc, giặc giã tứ tung cho được!

Nền đạo nhưn luân có đủ năng lực bảo trọng tương lai quốc vận lại đem bỏ đi, lấy cái hoàn thuốc độc của thiên hạ đưa cho, đã thiệt thòi mà cũng còn rán trưởng cổ lên mà nuốt, nuốt cho chết.

Quyền hạn của chúng ta, ngày nào chưa bảo thủ cho toàn dân tộc được thì đừng mong gì vĩnh cửu. Trái lại cần phải tô điểm Nam phong do tinh thần Tổ phụ ta để lại làm căn bản mới đủ sức mạnh, đủ cường liệt đứng đọt với toàn cầu vận quốc. Bằng chẳng vậy thì đừng mong sớm hưởng, còn xa vời lắm.

9- QUYỀN CỦA ÔNG HƯƠNG CHỦ

□ *TẠI ĐỀN THÁNH, THỜI TÝ MÔNG 1 THÁNG
6 NĂM MẬU TÝ (DL. 07-07-1948)*

Chúng ta hôm nay tiếp tục khảo cứu nền phong hóa của nước nhà ta đối với các dân tộc toàn thiên hạ.

Bản Đạo đã giảng về chủ quyền thứ ba của xã hội chúng ta, gọi là quyền giáo sư thứ ba theo Đạo Nho mà vị

chủ quyền về đạo như luân hay là chủ quyền về gia đình ấy tức là ông cha. Bản Đạo đã giảng về đạo và quyền của người rồi, bây giờ tiếp giảng về ông chủ quyền thứ nhì của xã hội. (*)

Ông **chủ quyền thứ nhì** mà cũng là giáo sư văn minh Nho Giáo là ông Chủ của Hương đảng. Bản Đạo đã nói chúc Đại Hương Cả hay Kế Hiền là mới bày đặt sau này, chớ Nho Giáo chỉ định tới Hương Chủ là hết. Ta thấy rằng vị đó cầm quyền hương thôn, mà thật ra người cũng là chủ quyền của xã hội. Ta để tâm nghiên cứu coi cái phong hóa của đệ nhị chủ quyền nắm đó ra thế nào? Bản Đạo xin nói trước rằng nó tốt đẹp không gì bì đặng, hại thay! Ngày giờ này vì quốc dân xu hướng theo văn minh tân thời mà muốn phế bỏ hủy hoại và cũng do bởi có mà Đức Thanh Sơn để câu thi tự hào rằng:

*“Văn hiến bốn ngàn năm có sẵn,
Chi cần di chúng đến dâng công?”*

Nền văn hóa đạt được trải qua bốn ngàn (4.000) năm, không cần ai dâng công tạo văn hiến khác.

Đạo của vị chủ Hương đảng là coi sóc sự sanh hoạt của dân chúng trong thôn hương, chẳng những nắm chủ quyền sự sanh hoạt mà còn nắm chủ quyền sự chết sống, cầm vận mạng cả thôn hương trong tay nữa. Đạo của người là Đạo thường, lo phụng thờ tôn miếu của triều đình. Các đình làng đương nhiên là Công thần miếu, thờ những vị Công thần bất kỳ nơi nào trong thôn quê đã xuất hiện những vị trung quân ái quốc, vị quốc vong xu, tô điểm giang san, binh vực lợi quyền của xã hội; có công vĩ đại với triều đình, đến khi qui liễu được nhà Vua ân tứ phong cho Thần vị. Điều hay hơn hết là vị Công

thần đạt vị đó, lại được trong bốn thôn sanh quán của người thờ người. Sự khéo léo ta thấy hiển nhiên, vì có vị Hương Chủ trong thôn hương cần nhứt tạo hiển tài; nào là lập trường học, bố thí kẻ côi cút không phương học vấn, nào là nâng đỡ các gia đình hữu học. Khi đạt đặng khoa mục, khỏi làm râu, bởi gọi hàng khóa sĩ. Bản Đạo xin nói rằng chưa nước nào đã làm như nước Nam ta, khi xuất sĩ vị Tân khoa về quê gọi là bá tử vinh qui, lạy tạ mô mã Tông đường; ngày đó chẳng cần tả, sự vinh hiển vô đối của họ, nên phương pháp ấy giục tâm toàn quốc cố học, học đặng hành.^(*)

Hại thay! Trong thôn hương nhiều nhứt nhiệm nên cũng có sự hay mà cũng có sự dở, là kẻ nào bất tài thiếu học, hay có tánh chất hèn kém, không đủ tinh thần tế thế an bang; làm cục bứu của xã hội, nếu kẻ ấy không lập thân danh đặng thì duy có trốn mà đi chớ không dám ở trong làng mình nữa. Vì có cả quốc dân nông nả học hành, chẳng phải học để lập thân danh mà thôi chỉ thấy khuôn khổ nghiêm nghị, dùi dất chủ hương người quân tử dù tánh đức tiểu nhơn mà ở trong làng cũng phải sửa nét lại.

Vị Hương Chủ có phận sự bảo vệ sinh mạng nên theo làng cựu thì trích đất quốc gia làm công điền; hồi cựu trào số đất công điền trong các đất đai của làng rất thặng, vì thuở ấy dân chưa có gia nghiệp tư bản. Những đất hoang vu, ông Hương Chủ khai mở thành công điền, toàn thể dân đình buộc họ duy có làm râu mà thôi, mà chẳng phải làm râu như bây giờ, người nào có làm râu thì số lúa tư sản của mình được hưởng trọn vẹn, người nào không làm sẽ bị trích mấy phần mười số lúa tư sản (sản?)⁽¹⁾ của mình đó. Số sản xuất những công điền ấy chia làm ba

phần: Hai phần ba (2/3) để vào công nho làng, một phần ba (1/3) nạp cho triều chánh của nhà Vua, nên không có lấy thuế bằng tiền bạc. Nhà Vua buổi nọ muốn thưởng công các quan duy có đồng lương mà thôi, vị nào cao cấp mấy hộc, trung cấp mấy hộc, hạ cấp mấy hộc; ngoài ra lương ấy nhà Vua có phương pháp kêu là ban thưởng đặc biệt về công nghiệp vĩ đại, ân tứ cho ngựa bốn cặp, sáu cặp hay mười cặp, hay xe đôi chục, năm chục mà thôi, sự khéo léo của quốc gia là giục tâm cho dân cày cấy, ngoài ra sự chăn nuôi súc vật, rồi vì sau này việc canh điền nặng nề thì lại bày ra việc thưởng trâu bò thay thế cho đầu ngựa. Ngày xưa làm quan không ăn tiền chỉ lãnh lương nên tiếng tục gọi là “*ăn lương*” là vậy.

Một phần ba số lương triều chánh đầu vào thì nhà Vua dùng phát lương cho các quan, năm nào đặng mùa dư dả thì làm kho dự trữ, nơi các Hương đảng cũng đều phải vậy. Thảng như rủi năm nào thất bát, dân đói khổ, thì lập tức mở kho ấy phát cho dân gọi là chẩn bản, mà đầu tiên đứng ra tế chẩn là ông Hương Chủ, khởi phát ở kho lúa của làng trước, khi nào thiếu mới lấy thêm ở kho quốc gia.^(*)

Sự nong nả chẳng phải tìm phương cho dân cày cấy ruộng nương mà thôi, phải khuyến khích chăn nuôi súc vật, khuếch trương các tiểu công nghệ trong làng, thúc giục dân nuôi tằm dệt vải làm tơ lụa, các nghề thợ mộc, thợ rèn và các kỹ nghệ nào hay khéo mà dân sở tại làm đặng, quyền ấy là quyền của ông Chủ Hương đảng, còn Ban Hội Tế, Hương Sư, Hương Hào, v.v... đều là phụ thuộc vào triều chánh của ông Hương Chủ mà thôi.

Cái Đạo của vị Hương Chủ là thờ Công thần, mà là

thờ mạng sống của toàn dân trong hương nữa, nên cổ tục ấy lưu truyền đến ngày hôm nay, sống cũng phải lo cho dân, mà chết cũng phải lo cho dân. Vì cơ đồ âm công phải có sẵn. Hồi cựu trào bất kỳ hạng nào, dầu là một vị quan hồi hưu về ở trong làng cũng vậy, hễ khi có một đám tử, người dân của làng đã được định làm những quan, thì bất khiêng đám cũng phải đi, không ai khỏi đặng.

Lại nữa, chẳng phải lo việc chết thôi, còn phải lập nhà thương, nhà nuôi trẻ em, trường học, cả cái khuôn khổ văn minh hương đảng lưu lại ngày nay là do nơi chủ quyền của Hương Chủ mà ra vậy.

Hồi lúc Bản Đạo còn nhỏ, nhớ nhứt là khi xay lương và giã lương, hễ lúa đem về kho rồi thì dân làng nhứt là phụ nữ, xúm lại giả cho trắng đặng nạp về triều kêu là nạp lương, tục ấy mới bỏ trong thời gần đây. Mà xay lương thôi thì đô hội, mệт nhọc mà vui về lạ lùng. Không thể nói hết đặng, câu hò, câu hát còn lưu lại trong dân gian ngày hôm nay là do nguyên cội xay lương đó. Xay giả xong, 1/3 nộp cho triều đình, 2/3 để cho hương đảng.

Còn một điều nữa là ở trong làng hễ có người nghèo khổ cơ hàn, thì Hương Chủ dạy toàn dân làng phải bảo vệ, hễ cưới vợ không được thì xúm nhau chung tiền lại giúp, cất nhà không nổi thì xúm nhau tạo nhà cho, khi có bệnh hoạn thì xúm nhau đến thăm viếng và giúp đỡ, tình liên lạc mật thiết như cốt nhục, mà khuôn tuồng đó ngày nay đã mất rồi, vì chưng tư lợi tư kỷ nhiều quá mà làm cho tiêu diệt hết lòng tương ái tương thân trong hương đảng.

Ta thử nghĩ lại, một ông chủ cầm quyền xã hội đường đó, chánh sách còn bằng mấy Cộng sản, mà là Cộng sản tinh thần, nên Quốc gia chúng ta có Cộng sản thúc nhứt

tâm lý làm khuôn phong hóa chung sống cùng nhau, không cướp bóc, không tranh quyền đoạt vị. Ở trong làng, quyền làm chủ hương thôn ấy chỉ có truyền biểu mà thôi, dầu trong triều về đó ở mà dân không tín nhiệm thì cũng không có quyền gì buộc dân đem mình lên đặng. Phần nhiều triều chánh sau nầy mới có tham quan ở lại, chớ thời xưa một người làm quan rất sợ điều đó lắm, là vì hễ đã mang danh tham quan rồi thì về làng không ở với ai được, cả làng mặt sát chịu không nổi, cho nên cả cái bí pháp hằng tâm gìn giữ rất nhặt nhiệm, kéo buổi về già không chịu nổi sự trích điểm của thôn lân, được vinh quang chùng nào thì lại càng gìn giữ tánh đức. Trong làng mà vị nào vì dân, lo cho dân, đủ tánh đức nuôi dạy dân, thương dân như con đờ thì dân sanh cử lên, chớ không phải bầu cử hốt mớ, rồi đưa kẻ bất tài thất đức lên được, vì trong triều chánh của ông Hương Chủ, ở dưới có Ban Hội Tế, đi từ mức đào luyện từ cấp, rồi mới lên đến Hương Chủ thì đã sáng suốt thước lắm rồi.

Ngoài ra nữa, còn một điều là trong hương đảng coi chủ quyền ấy như ông Tòa, đến bây giờ còn chức tước mà quyền không phải vậy. Ông chủ của làng làm Tòa xử, hòa giải dân tình, nên không có tụng cáo ra triều đình bao giờ, hay là trừ các án tiết trọng hệ, như cường đồ, sát mạng, mới thấu đến luật hình triều chánh. Trong làng có điều gì chinh tâm với nhau thì ông chủ của làng xử trước, nếu bất đồng đem nội vụ ra nhà việc, hễ lỗi nhỏ thì nạp tiền câu tra, tội lớn thì căng nọc đánh giữa dân làng, không đến nỗi chết mà hễ bị đánh rồi thì về nhà còn có nước trốn đi nơi khác, hoặc đóng cửa đi đâu đi lén lút khổ não lắm vì bị gièm pha nhạo báng xấu hổ chịu không nổi. Còn nói

về phụ nữ nhứt là gia đình nào con hát bè, hát bộ, thì có dọn mà đi luôn. Đến nghiêm luật gái chữa hoang, để lạnh thì cha ông, con cháu, đều bị đòi ra giữa làng hết thầy. Thứ vợ hỗn với chồng, chồng hiếp vợ, con bất hiếu, em vô lễ với anh cũng vậy, đặng giữ nghiêm phong hóa xã hội do khởi đoan từ hương đăng ra quốc gia xã hội.

Triều đình cốt yếu làm đầu đặng nắm giềng mối, chớ thật ra cầm quyền xã hội là trong hương đăng, mà quyền trong hương đăng là của Đệ Nhị chủ quyền, tức là quyền ông Hương Chủ đó vậy.

Phụ ghi:

- (1). **Nơi đoạn thứ 8:** Vị Hương Chủ có phận sự bảo vệ sinh mạng nên theo đảng cựu thì trích đất quốc gia làm công điền;....., người nào có làm xấu thì số lúa tư sản của mình được hưởng trọn vẹn, người nào không làm sẽ bị trích mấy phần mười số lúa tư bản (sản?) của mình đó....

Chúng tôi xin đề nghị cho rõ nghĩa hơn: Vị Hương Chủ có phận sự bảo vệ sinh mạng nên theo đảng cựu thì trích đất quốc gia làm công điền;....., người nào có làm xấu thì số lúa tư sản của mình được hưởng trọn vẹn, người nào không làm sẽ bị trích mấy phần mười số lúa tư sản của mình đó....

- (*) **Cuối những đoạn có dấu (*):** Để cho người đọc được dễ dàng, chúng tôi xin mạn phép phân đoạn tại những nơi có dấu (*). Nguyên bản chánh không có phân đoạn tại những nơi ấy. Kính cáo.

10- SO SÁNH HƯƠNG ĐĂNG VỚI BÀN TRỊ SỰ

□ *TẠI ĐỀN THÁNH, THỜI TÝ MÔNG 5 THÁNG
6 NĂM MẬU TÝ (DL. II-07-1948)*

Kỳ trước, Bàn Đạo đã giảng về đạo của vị chủ quyền xã hội chúng ta là ông chủ, nay tiếp thuyết về phương

pháp tổ chức xã hội ta trong hương thôn là thế nào và ai cầm quyền ấy.^(*)

Ta đã thấy Nho Đạo ta lấy gia đình làm căn bản, bước từ tiểu gia đình là gia tộc lên đại gia đình là quốc gia, lại thấy sự khéo léo trong gia đình là phương pháp thực hành. Các phần tử trong gia tộc hiệp lại thành Tông đường, một gia tộc nào đủ như nghĩa đạo đức thì Tông đường đó, để mất nong nả cho có đủ phương pháp thi thố cả sở năng của mình, bởi chỉ trông cậy nơi mình làm cho gia đình đứng đót được với thiên hạ một cách vinh diệu, mà hễ Tông đường được vinh diệu, tức nhiên người đại diện cho Tông đường ấy khi ra thay mặt cho Tông đường, đã đào luyện trí thức tinh thần, sở năng, sở kiến, đặng thay thế Tông đường cho xứng đáng trước luật quan phép nước. Trong hoàn cảnh kiến thiết xã hội là vậy. Làm đầu Tông đường được, tức nhiên trong hương đảng đã để dành địa vị cho danh thể cao trọng ấy rồi, thanh niên thì vào hàng thành đinh, niên kỷ cao trưởng thì vào hàng kỳ lão, lãnh kiến thiết hương đảng, không bỏ một ai. Tuy vậy, Ban Hội Tế có đông đảo mặc dầu, nhưng Bản Đạo đã nói rằng Hội Tế bất quá là triều chính của Đệ Nhị chủ quyền là ông Hương Chủ trong hương đảng vậy thôi.

Ấy vậy, trong hương thôn có mặt nào đứng đót làm đầu hương thôn, mặt ấy không lẽ triều chính không biết đặng, nên danh nghĩa trong hương đảng liên quan mật thiết với triều đình, mà hễ có liên quan tức nhiên là địa vị triều đình sẽ dành để cho người cầm quyền hương đảng đó vậy.

Tổ chức xã hội chúng ta đi từ tiểu gia đình lên đại gia đình là quốc gia, vì có nên Tiên Nho chúng ta, dầu cho

Đệ Tam quyền là ông Cha trong gia đình, mà có tội đem ra giữa triều chánh buộc tội là trị đạo bất nghiêm, còn Đệ Nhị chủ quyền lại là trị dân không nghiêm cũng gọi là trị đạo bất nghiêm. Hình phạt nặng nề sẽ định án cho hai chủ quyền Đệ Nhị và Đệ Tam đó không phương chối cãi.

Cái đạo, nói tiếng đạo, mà người cầm quyền trị đạo phải thật hành được đạo, đã không dễ, thì cầm quyền trị đạo lại càng không dễ nữa. Phải làm thế nào thì thổ cho dân sự trong bốn thôn thấy tâm Thánh của mình là thay thế Đức Khổng Phu Tử làm cha mẹ dân, mà chẳng vậy thôi, còn cầm quyền làm thầy trong bốn thôn nữa mà chớ.

Tổ chức xã hội quốc gia chúng ta không mắc mớ mà thật sự thì khó đáo để. Thuở mà nòi giống này còn kêu cha là bố và mẹ là cái, kẻ nào đạt được vị Bố Cái hương đảng, tức là cha mẹ của hương đảng, ấy là lời ban thưởng, tặng khen lớn lao lắm vậy, tức nhiên Đệ Nhị chủ quyền là quyền của vị Bố Cái hương đảng là vinh diệu hơn hết.

Ấy vậy, Đệ Nhị chủ quyền làm cha, làm thầy hương thôn, ta suy xét tưởng tượng xem phận sự ấy trọng yếu như thế nào? Coi dân như con đò, làng như cha mẹ dân thay thế cho triều đình, mà muốn nên phận cha mẹ dân thì vị chủ quyền đó không tư tâm, tư kỷ, hễ tư tâm tư kỷ tức bóc lột dân, trộm cướp của dân, hiếp bức dân. Ta thấy phương pháp đương nhiên, hiện giờ còn giữ khuôn khổ ấy, chỉ hại một điều là hương đảng đương nhiên xu hướng tân thời đã hết làm cha mẹ dân, dở thói tham quan ô lại, làm cục bấu làm mọt ghẻ tâm lý của dân. Vì có nên giá trị của Đệ Nhị chủ quyền không còn năng lực nữa, mà nếu không còn năng lực tức là hết cầm quyền chuyển tâm lý được, biểu thế nào ngăn cản được dân xu hướng theo

văn minh mới, mà nhứt là nòi giống Việt Nam nầy hay nghinh tân yếm cụ lắm. Nếu không đủ biệt tài cầm cái khối báu do Chí Tôn để lại mà trau giồi làm cho có giá trị cứ do theo điều mới mẻ ấy thì chỉ có làm cha làm chủ bướng vậ thôi, nên cần phải biết sửa đương lại thì xã hội này sẽ đứng đầu hơn hết. Tại mình làm chủ mà không biết của báu, khinh miệt nên thiên hạ mới khinh miệt nó. Ấy vậy đương thời bây giờ thiên hạ không còn làm cha mẹ, bố cái hương đảng nữa, nên cái vinh diệu của Tiên Nho ta lưu lại đã bị bại hoại thành hình tướng dị hợm lắm rồi.

Vị chủ quyền hương đảng của nhà Nho ta, tuy là tư tưởng tinh thần rất đơn sơ, nhưng nói ít mà làm nhiều, nên vị Hương Chủ hồi cụy trào lãnh làm chủ hương đảng thì triều đình phái một vị quan đến phong quyền cho và thường nói: *“Triều chánh cầu xin một điều là vị Hương Chủ làm sao cho xứng đáng phận sự cha mẹ của dân”*.

Trước ta đã thấy quyền làm cha mẹ trong gia đình khó khăn thế nào rồi, thì vị Hương Chủ lên làm cha mẹ dân trong một làng, lời xưa thường gọi là bá tánh là vì bởi nhiều Tông đường hiệp lại mới thành một làng. Nên việc làm cha mẹ dân trong một làng không phải dễ, dân đói phải lo, dân rách phải lo, dân khổ phải lo, một tên dân đầu khổ thì ông chủ quyền phải ở bên mình như cha ở bên mình con vậy, cha nâng đỡ danh thế làm cho con nên thế nào, thì ông chủ quyền của hương thôn cũng phải làm nên cho dân thế ấy. Nghĩa là tâm lý của ông cha cầm quyền gia đình trị con thế nào, thì ông chủ cầm quyền hương lân trị dân cũng như cha trị con vậy.

Nếu từ trước đến giờ còn giữ được khuôn khổ tổ chức của tổ phụ để lại, thì Bản Đạo tưởng chẳng hề thấy

sự tối phong đương nhiên, và cảm chắc sự thống khổ loạn lạc chẳng hề có dạng. Ngày hôm nay, phong hóa quốc gia xã hội ta không còn nguyên hình tướng nữa, đã thay đổi ra thô tục gớm ghiếc quá chừng.

Đức Lý Giáo Tông lập Bàn Trị Sự, Ngài lập chức Chánh Trị Sự và Phó Trị Sự, rồi Ngài lại biểu Bản Đạo lập chức Thông Sự. Ngài nói Phó Trị Sự là Giáo Tông em, mà nơi làng có Giáo Tông em thì tức nhiên phải có Hộ Pháp em là Thông Sự nữa chớ. Nếu sự tổ chức hương lân chưa phải cần yếu thì Đức Lý đã không làm như vậy. Ngài đặt chức **Chánh Trị Sự tức là ông Chủ, Đệ Nhị quyền trong thôn lân về phần Đạo**, hỏi vậy mơ vọng của Đức Lý để Chánh Trị Sự làm gì? Đức Lý có ý đem qui cũ Đạo vào Đệ Nhị chủ quyền, đặng phục hồi lại y như trước. Ngài quyết định hơn nữa là để vị Chúc Sắc ấy nắm quyền Hội Thánh tức là vào Thánh Thể của Đức Chí Tôn, nghĩa là dự định đặng lên Lê Sanh, rồi lên Giáo Hữu, tức là vào hàng Thánh Thể đó vậy. Muốn chỉnh đốn xã hội lại, nên luôn dịp để một khuôn khổ trị Đạo cho dân sanh tỉnh giác, biết vật báu ấy mà gìn giữ, tô điểm, làm cho xã hội thôn lân thêm xinh lịch. Ý muốn là vậy, mà thử hỏi Bàn Trị Sự toàn thể quốc gia ta ngày kia có đủ năng lực và đủ tinh thần đạo đức để chỉnh đốn xã hội ta trong hương thôn, lần lần sửa lại theo tổ chức tối cổ của quốc gia xã hội ta trước được không?

Bản Đạo dám chắc rằng Đạo Cao Đài làm đặng, và nhờ bàn tay của toàn thể quốc dân Việt Nam ta đó. Việc làm bất luận lâu hay mau, miễn đạt được thì thôi, Bản Đạo sợ e một điều là đầu óc hình thể ta thấy trước mắt, thay vì chỉnh đốn đi ngược trở lại khuôn cũ, rồi lại còn xu hướng

theo tổ chức xã hội, làm diệt vong phong hóa; thay vì cứu sống lại cái gia tài, lại làm tiêu cả sự tốt đẹp thọ hưởng đã bốn ngàn (4.000) năm nay còn nơi lại. Bản Đạo mơ ước một điều là toàn con cái của Đức Chí Tôn trong hương thôn tức là Bàn Trị Sự, biết phận sự trọng yếu của mình để đủ tinh thần làm vừa theo Thánh ý của Đức Lý Giáo Tông và Đức Chí Tôn. Bản Đạo mong mỗi cả thầy đem cái quý của Tổ phụ chúng ta lưu lại chính đốn cho đẹp cho xinh đủ oai quyền năng lực, đặng ngày kia đem cho toàn các sắc dân khác đồ theo. Đương buổi này thiên hạ đương thống khổ tâm hồn, nếu họ thấy chánh sách của ta đạt được, họ sẽ lấy và đồ theo mà lấy trong tay Cao Đài họ không thẹn mặt.

Cả thầy nam nữ nhớ lời căn dặn, đặng khi thái bình trở lại, lo chính đốn Bàn Trị Sự trong hương thôn, để làm nền móng tổ chức quốc gia ta sống lại đẹp đẽ mỹ mãn và cường liệt, mà quốc gia ta có đẹp đẽ mỹ mãn cường liệt thì nhờ nơi hương đảng tạo ra; nếu mấy người tạo ra thô bỉ thì sự kiến thiết cũng thô bỉ, hễ mấy người tạo ra đẹp đẽ thì sự kiến thiết đẹp đẽ, mạnh mẽ vì bởi khởi đầu đào tạo bằng hạt giống mạnh, thì cây lên mạnh, bằng hạt giống yếu thì cây sẽ lên yếu.

Phụ ghi:

-
- (*) **Cuối những đoạn có dấu (*):** Để cho người đọc được dễ dàng, chúng tôi xin mạn phép phân đoạn tại những nơi có dấu (*). Nguyên bản chánh không có phân đoạn tại những nơi ấy. Kính cáo.

11- QUYỀN CỦA ÔNG VUA

□ *TẠI ĐỀN THÁNH, THỜI TÝ MÔNG 9 THÁNG
6 NĂM MẬU TÝ (DL. 15-07-1948)*

Đêm nay Bản Đạo giảng tiếp về đệ nhất chủ quyền của xã hội chúng ta. Bản Đạo đã giảng kỳ rồi về đệ nhị chủ quyền tức là chủ quyền hương đảng, và đã giải rõ ràng cái phương pháp kiến thiết từ thứ là lấy gia đình làm căn bản. Tiểu gia đình là trong một nhà liên quan với cả Tông đường gọi là họ, là tánh, trung gia đình tức là tổ chức trong hương đảng của Đệ Nhị chủ quyền, tới **Đệ Nhất chủ quyền** làm đầu một Đại gia đình là một nước.

Ta đã tự hiểu Thánh ý của Đức Chí Tôn sanh ra nòi giống chúng ta, và đã tạo cả tinh thần của nòi giống chúng ta, không biết chừng đừ dốt tinh thần ấy để lập chánh kiến quốc gia, là lấy gia đình làm căn bản. Ta thấy rõ ràng Chí Tôn muốn cho cả nhơn loại chung hiệp cùng nhau làm một đại gia đình toàn cầu thể giải sau này vậy, nếu (nên?)⁽¹⁾ Ngài định trước cho một quốc dân của Ngài đến lấy tinh thần đạo đức làm căn bản cho cả tinh thần đạo đức toàn nhơn loại, lấy cả quyền năng lập quốc cho nước Việt Nam, đặt làm khuôn mẫu chuẩn đích tương lai lập chánh trị toàn cầu thiên hạ mà chớ. Nếu không tự tôn, ta cũng nhận thấy rằng điều tưởng tượng ấy không lầm, bởi đầu muốn hay không, quyền năng vô hình cũng xô đuổi dục tấn các dân tộc vạn quốc phải đi đến sự chung hiệp vào đại gia đình của toàn nhơn loại mà thôi.

Ấy vậy, Bản Đạo thuyết Đệ Nhất chủ quyền do Tổ phụ chúng ta tổ chức và lưu lại trong văn hiến tức là nhà vua. Đệ Nhất quyền là giáo sư, là ông cha của cả nước.

Không lạ gì, chúng ta cũng thấy như ông cha trong tiểu gia đình kia vậy. Đức Khổng Phu Tử nói: “*Đạo trị dân không khác đạo trị gia đình*” ấy đạo của Ngài vậy. Chúng ta thấy trước khi lên cầm quyền vì một sơn hà xã tắc, một nhà đương quyền tại vị, hay đã thoái vị cũng vậy, các vị Vương Đế thường có nói nơi cửa miệng hoặc di chúc lại, bao giờ cũng mơ ước cho có người kế vị xứng đáng làm cha mẹ của hơn dân bá tánh, văn hiến của ta tuy đơn sơ mà thâm thúy lắm là nói ít mà làm nhiều, và sự khó khăn trọng yếu chẳng thể tưởng tượng được.

Bản Đạo nhắc lại một lần nữa là buổi nòi giống An Nam ta đây còn kêu cha là Bố, mẹ là Cái, mà vị Đế Vương nào lên cầm quyền được dân tặng là Bố Cái, như Bố Cái Đại Vương, thì sự vinh hiển của triều chánh đó không luận đặng, mà sự vinh hiển của Đế Vương đó cũng chẳng tả được đối với lòng dân. Nói ít làm nhiều. Văn hiến của ta do văn hiến của Tàu châm chế sửa chữa lại, lấy của người làm của mình. Lấy căn bản chánh gốc của người ta mà làm của cải riêng của mình với tư cách đặc biệt, tưởng không nước nào khéo léo hơn nước Việt Nam ta vậy.

Ta thấy lời một vị Đế Vương để lại cho con lên truyền kế cho mình như Hớn Chiêu Liệt để lại Hậu Chúa, có câu căn dặn rằng: *Nếu nhà cầm quyền nào mực thước trị dân, biết tùng theo thì thiên hạ thái bình, quốc thái dân an*, Hớn Chiêu Liệt sắc Hậu Chúa viết: «*Vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi, vật dĩ ác tiểu nhi vi chi*» (nghĩa là ông Hớn Chiêu Liệt căn dặn con truyền kế rằng: Đừng thấy lành nhỏ gọi nhỏ mà không làm, đừng thấy ác nhỏ gọi nhỏ mà làm). Vì Đế Vương biết rằng trong tay cầm sanh mạng quốc gia, trị cả bá tánh để lại cho con một di ngôn bất hủ. Nếu cả

các Đế Vương trên mặt địa cầu này, cầm sanh mạng quốc gia biết lấy câu ấy làm “*trấn tâm chi bửu*” cho mình, Bản Đạo tưởng chắc, nếu thi hành cho đúng thì cả quốc dân đó hạnh phúc vô cùng. (*)

Tổ phụ chúng ta muốn trong nước ta, dân ta, tình của Vua đối với dân thế nào cho mực thước, chơn thật như cha đối với con, nếu Vua đối được với dân như cha đối với con, tức nhiên lấy tình ái làm quyền hành, công chánh làm mực thước, tưởng không quốc gia nào trên mặt địa cầu này hưởng được hạnh phúc hơn nữa. Ta thấy tấn tuồng ly loạn do kẻ cầm quyền định vận mạng cho nước, cho dân chỉ biết mình, không biết bá tánh. Thường nghe nói: “*Thiên hạ vi gia*” hại một điều tuy vậy nhà Vua ở với bá tánh như cha ở với con nên có câu “*thiên hạ vi gia*” vậy nhà Vua lấy thiên hạ làm nhà, thương dân như con đố, trái lại họ lấy thiên hạ làm tôi đòi của cải. Thay vì coi thiên hạ như nhà như con, họ lại coi thiên hạ như nô lệ, tư nghiệp của mình, tức là hiểu lầm khuôn khổ của Tiên Nho ta đã quyết định vậy.

Tổ chức thật khéo léo làm sao, chính nhà Vua cũng không thoát cái khuôn viên gia đình. Nếu ngôi Vua truyền hiền thì chẳng nói chi, từ khi các vị Đế Vương truyền tử đến giờ gia đình vẫn ở bên cạnh họ, họ phải bảo trọng gia đình trước nhất, bởi gia đình của họ là Đệ Nhứt gia đình trong quốc gia. Ta thấy từ khi các quốc gia này chẳng chịu ảnh hưởng của Nho Tông mà lập quốc, đã trở nên suy đồi bởi nguyên căn nào, do trị gia bất nghiêm! Cho nên cổ truyền tai hại hơn hết là cái loạn trong cung tần, trong vòng hoàng tộc mà sản xuất, đã hiển nhiên như vậy không chối cãi được. Các vì Vua trị gia bất nghiêm, biểu

không bại hoại sao được, mà Đệ Nhứt gia đình thất đạo có liên quan mật thiết đến cả toàn bá tánh thất đạo. (*)

Nhà Vua cốt yếu coi bá tánh như con đò, coi nước nhà như đại gia đình, giữ đạo như luân làm trọng hệ, đã có quyền sanh sát, mà nếu quyền ấy không chuẩn thẳng, biểu sao dân trong nước không thống khổ. Khi sự thống khổ ấy dân chịu đựng nổi chẳng nói chi, thẳng như quá sức không chịu nổi được nữa, sanh loạn lên thì triều chánh và cả nước nhà phải nghiêng đổ.

Sự kiến thiết quốc gia lấy gia đình làm gốc, ta không thể chối rằng không biết gia đình ấy hay là từ bỏ đạo như luân, duy có theo lối vô thần thì mới chối đạo như luân đặng, nếu không chối đạo như luân, tức không chối đạo gia đình, mà không chối gia đình thì cũng không hề chối tương lai vận mạng của tổ quốc mình được. Ấy vậy căn bản của phong hóa Việt Nam ta do nơi đạo như luân, nơi gia đình, dầu ai thuyết minh phong hóa như thế nào đi nữa nguyên căn tinh túy cũng vẫn do nơi gia đình mà thôi; cho nên gia đình, phân làm ba hạng: Hạ, trung và thượng gia đình; thượng gia đình là Quốc gia, trung gia đình là Hương đảng, hạ gia đình là Tông đường, không có chi là lạ, là khó, nhưng căn nguyên ấy ta không sửa đổi đặng bởi ba bậc hạ, trung, thượng của cơ tấn hóa thể nào thì gia đình cũng thế ấy. Cả Càn Khôn có Thượng giải, Trung giải, Hạ giải, mặt luật thiên nhiên của sự tiến hóa trật tự ấy không thể tiêu hủy đặng.

Tổ chức xã hội của chúng ta khéo léo làm sao đâu, Bản Đạo dám chắc rằng cao thượng hơn hết. Hại thay! Quốc dân ôm của báu trong tay mà không biết quý trọng, liệng rời chạy theo ăn mót đồ bỏ của thiên hạ, lấy làm của.

Đức Chí Tôn đến đặng thức tỉnh nhơn sanh, nên mới có câu Ngài nói với nhà Vua: *“Nam phong thử nhật biến Nhơn phong”* là thêm ý rằng: *“Tổ phụ chúng bầy để lại cho bầy một phong hóa, nó sẽ biến thành phong hóa của toàn nhơn loại vậy.”*

Ngài cho biết rằng chúng ta vốn có của báu, mà của báu ấy thiên hạ đang tìm kiếm đặng sống.

Phụ ghi:

- (1). **Nơi đoạn thứ 2:** Ta đã tự hiểu Thánh ý của Đức Chí Tôn sanh ra nòi giống chúng ta,..... Ta thấy rõ ràng Chí Tôn muốn cho cả nhơn loại chung hiệp cùng nhau làm một đại gia đình toàn cầu thế giới sau nầy vậy, nếu (nên?) Ngài định trước cho một quốc dân của Ngài đến lấy tinh thần đạo đức làm căn bản cho cả tinh thần đạo đức toàn nhơn loại,...

Chúng tôi xin đề nghị cho rõ nghĩa hơn: Ta đã tự hiểu Thánh ý của Đức Chí Tôn sanh ra nòi giống chúng ta,..... Ta thấy rõ ràng Chí Tôn muốn cho cả nhơn loại chung hiệp cùng nhau làm một đại gia đình toàn cầu thế giới sau nầy vậy, nên Ngài định trước cho một quốc dân của Ngài đến lấy tinh thần đạo đức làm căn bản cho cả tinh thần đạo đức toàn nhơn loại,...

- (*) **Cuối những đoạn có dấu (*):** Để cho người đọc được dễ dàng, chúng tôi xin mạn phép phân đoạn tại những nơi có dấu (*). Nguyên bản chánh không có phân đoạn tại những nơi ấy. Kính cáo.

CHƯƠNG II

VIỆT NAM ANH HÙNG CAO THƯỢNG

THỨNG TÔI XIN TRÍCH NƠI THÀNH NGỮ ĐIỂN Tích của Diên Hương những vẽ đẹp mỹ miều của phong hóa Việt Nam qua nhiều khía cạnh.

1- ANH HÙNG KHÍ VIỆT NAM

a.- **ĐƠN KỶ BÌNH MAN**- Nghĩa là một mình một ngựa đánh giặc Man.

Đời Trần, Trịnh Giác Mật làm phản ở Đà Giang. Vua Trần Nhật Duật ra dẹp.

Binh trào đến sông Đà, có sứ giặc tới nói: *“Nếu chúa soái một mình một ngựa dám qua trại giặc thì Giác Mật chịu ra đầu, khỏi cần đánh.”*

Nhật Duật liền chịu.

Tới nơi, giặc thấy Nhật Duật dám 1 mình tới trại mình mà biết tiếng Man thì phục lăm liền kéo hết binh Man ra đầu.

b.- **LƯƠNG PHU NHÂN** hay Đào Nương là người có nhan sắc khuynh thành, sanh trưởng tại làng Chuế Cẩn, Tổng Tử Mặc, huyện Y Yên, tỉnh Nam Định. Lúc vua Lê khởi nghĩa ở Lam Sơn, bà xin chồng bà là Đinh Tuấn để cho bà ra lập hàng nước ở thành Cổ Lộng, lợi dụng nhan sắc khuyến dụ quan quân nhà Minh, phục rượu chúng say, bỏ chúng vào bao, cột chặt cho chúng

không thể thoát khỏi, rồi nửa đêm đón quân của vua Lê vào lấy thành.

Lê Thánh Tông sau phong cho bà: “*KIẾN QUỐC PHU NHƠN*”

Nay còn đền thờ ở làng Chuế Cẩn.

2- TÌNH VUA TÔI CỦA VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ KIM. – Bà là Hoàng Phi vua Lê Chiêu Thống. Chiêu Thống sợ vua Quang Trung nên đã sang Tàu cầu cứu. Bà chạy theo không kịp về ở ẩn quê nhà mười mấy năm trời. Chùng đem hài cốt vua Lê về nước bà lạy linh cữu cố quân rồi uống thuốc độc chết theo vua. Vì hy vọng của bà là sự thành công của vua, nên sự thất bại của nhà vua là cái chết của bà. Các thi ca phục tiết nghĩa ấy mà làm thi ca tụng.

Sau đây là 2 bài:

VỊNH BÀ NGUYỄN PHI

*Vạc nước làu làu thế đã long,
Bọt bèo bao quân bước long đong.
Dương trần bọ ngựa, tôi xa chúa,
Cửa Phật bâng khuâng, vợ nhớ chồng.
Trời chẳng tựa cho người máu đỏ,
Đất xin đập lấy một mô chung.
Hai vai tôi chúa và chồng vợ,
Nước bốn ngàn năm một má hồng.*

□ VÔ DANH

KHÓC VUA

*Nằm gai nếm mật mấy năm thừa,
Nằm cỏ dưa về tất đất xưa.
Biển Bắc chín lần rồng lần sớm,
Non Nam một đánh hạc về trưa.
Tưởng cầu năm nợ như ngày nợ,
Nghĩ đến bao giờ khóc bấy giờ.
Thua được cuộc đời thôi để đó,
Gội ơn cây cỏ vẫn còn thừa.*

□ Vô DANH

3- TÌNH CHỒNG VỢ VIỆT NAM

A.- PHAN THỊ THUẬN

Bà là vợ của ông Ngô Cảnh Hoàng đời Hậu Lê. Ông đi đánh giặc Tây Sơn tử trận ở sông Thúy Ái nay thuộc huyện Thanh Trì tỉnh Hà Đông. Người được tin than khóc mà bà thì vẫn cười nói như thường, cho rằng chết vì nước thì còn gì quý hơn. Bà đợi làm đám tang xong xã, mặc quần hồng, áo lụa đến chỗ chồng tử trận đâm đầu xuống sông mà chết theo chồng.

Sách Tang Thương Ngẫu Lục của ông Chiêu Hồ thì lại chép Bà họ Đoàn, vợ thứ của Du Tĩnh Hầu Ngô Phúc Du. Phúc Du cũng tử trận ở sông Thúy Ái.

B.- BÀ TRƯƠNG

Tên là Võ Thị Khiết, chồng bà họ Trương phải đi thú. Bà ở nhà nuôi con dại một mình. Tối đưa con ngủ thì chỉ bóng bà trong vách nói, đó là cha của trẻ.

Chùng Trương về bổng con nựng, nói mình là cha thì đứa trẻ nói không phải. Cha nó tối mới đến, mẹ nó ngồi thì ngồi, mẹ nó đi thì đi theo. Trương nghi vợ ở nhà có tự tình sĩ mạ đến điều, bà không có biết làm sao tỏ nỗi oan ức nhảy xuống sông mà tự tử.

Chùng tối đốt đèn lên, đứa trẻ chỉ bóng trên vách mà nói với Trương: “Đó mới phải là cha tôi”. Trương mới rõ nguồn cơn, nhưng đã muộn rồi, mới ra mé sông chỗ vợ trảm mình lập một đàn chay giải oan cho vợ.

Vua Lê Thánh Tôn đi ngang qua đó, thấy miếu của thiên hạ thờ bà, hỏi ra rõ sự tình, cảm tình làm bài Miếu Bà Trương

MIẾU BÀ TRƯƠNG

*Nghi ngút dầu gành tỏa khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Ngon đèn dầu tấc đừng nghe trẻ,
Lần nước chi cho lụy đến nàng.
Chứng quả có đôi vừng nhứt nguyệt,
Giải oan chi mượn đến đàn trường.
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,
Khá trách chàng Trương quá phụ phần.*

□ LÊ THÁNH TÔN

4- TÌNH BẰNG HỮU VIỆT NAM

A.- LƯU BÌNH-DƯƠNG LỄ

Lưu Bình nhà giàu có, Dương Lễ thì nghèo mà Lưu Bình không kể giàu nghèo, đái Dương Lễ như ruột chung

một đèn, đọc một sách. Đến khoa thi hai anh em cùng thi, Dương Lễ đậu còn Lưu Bình rớt. Dương Lễ được bổ đi làm quan. Lưu Bình về nhà ý có tiền không chăm nôm học hành, cứ chơi bởi liêu lỏng thành ra thi khóa nào rớt khóa ấy.

Sau bị giặc giả, nhà sa sút thiếu trước hụt sau, Lưu Bình mới tính tìm Dương Lễ để nhờ bạn cũ.

Dương Lễ vẫn nhớ Lưu Bình, nay nghe Lưu Bình tìm đến thì mừng lắm. Nhưng nghĩ rằng bạn mình hay chơi bởi phóng túng, ăn xài lớn nếu mình đem về nuôi chi cho khỏi lười biếng, không lo học thì biết chừng nào nên thân. Dương Lễ đành giả bộ quên nghĩa xưa tiếp đãi Lưu Bình một cách lạnh nhạt. Cho Lưu Bình ra ở nhà ngoài, ăn cơm hẩm, uống nước lã, Lưu Bình tủi phận bỏ ra về.

Đi dọc đường gặp người con gái trẻ tuổi, đẹp đẽ hỏi thăm, nghe Lưu Bình thuật chuyện thì nàng mẫn nhiếc Dương Lễ thậm tệ rồi nói với Lưu Bình: *“Chàng rũi thi rớt mà người xưa kia chẳng giúp dùm hết sức, nó lại bạc đãi chàng làm vậy thì chàng cũng nên lo học cho nên Thiếp thấy đứa tiểu nơn vô ngoài Thiếp ghét. Vậy như chàng chịu thi Thiếp nguyện theo giúp đỡ, xoi kinh nấu sủ cho danh thành công toại làm cho đứa vô ân bạc Ngài không còn khinh chàng nữa. Chừng đó như chàng có thương thiếp thì Thiếp nguyện theo chàng nâng khăn sửa túi.”*

Lưu Bình ứng chịu và bắt đầu lo ăn học không chơi bởi nữa. Thế là kỳ thi năm sau Lưu Bình đã thi đậu.

Lúc vinh qui thì người đàn bà hiền đức bỏ đi mất. Lễ tất nhiên Lưu Bình lấy làm buồn và tiếc. Vừa khi đó Dương Lễ cho người đem lễ vật đến mừng và mời Lưu

Bình sang dinh chơi.

Lưu Bình trước không muốn đi, sau nghĩ lại cũng nên đến thử coi Dương Lễ mời mình làm chi đây. Đến nơi Dương Lễ chào hỏi xong xuôi phân ngôi chủ khách rồi thì cho mời phu nhân ra, chừng đó Lưu Bình mới rõ người đàn bà đi theo nuôi mình ăn học là nàng Châu Long vợ của bạn cho theo mìnhặng khuyên mình cố học cho thành danh.

B.- TÌNH BẰNG HỮU CỦA CỤ PHAN THANH GIẢN

Cụ Phan Thanh Giản là Khâm Sai Miển Nam của Triều Đình Huế. Cụ có một bạn học rất giỏi, văn võ song toàn nhưng không chịu ra làm quan.

Một hôm cụ Phan đi thăm bạn. Quân lính theo hầu rất đông nhưng cụ dừng chân rất xa nhà bạn. Cụ lấy bộ đồ cũ hồi đi học ra mặc, thay áo mao và bách bộ vào nhà bạn.

Ông bạn nghe tin, lúc gặp cụ thì quì xuống thi lễ, cụ đỡ dậy và chỉ vào chiếc áo mà nói: *“Tôi đến đây với tư cách bạn của anh ngày nào, với bộ đồ học trò, xin anh đừng giữ lễ nghĩa”*. Sau khi hàn huyên cụ hỏi: *“Tại sao bạn có tài, không ra giúp nước mà mãi chịu cảnh nghèo hèn mãi như vậy”*.

Ông bạn tả lời: *“Tôi xem sao lấy quẻ dịch biết Trời đã định cho Việt Nam phải bị lệ thuộc nên dầu tôi có ra làm quan cũng không sửa được luật trời”*.

Cụ Phan ngủ nhà bạn một đêm hầu tâm sự việc thịnh hưng của nước nhà. Sáng ra từ giã bạn buồn bã và quyết định uống độc dược để kết thúc cuộc đời mình như sử hăng viết lại.

“Ngày 20 đến 24 tháng 6 năm 1867, Pháp đánh chiếm

Vĩnh Long (vốn đã được trao trả triều đình Huế ngày 25 tháng 5 năm 1863) rồi An Giang và Hà Tiên. Trước sức mạnh áp đảo của Pháp về mặt quân sự, biết thế không thể giữ nổi, nên để tránh đổ máu vô ích, Phan Thanh Giản đã quyết định trao thành, không kháng cự, với yêu cầu người Pháp phải bảo đảm an toàn cho dân chúng. Sau khi thành mất ông tuyệt thực suốt 17 ngày, rồi uống thuốc độc tự tử vào ngày 4 tháng 8 năm 1867, hưởng thọ 72 tuổi. Đến thờ Phan Thanh Giản hiện ở ấp Thạnh Nghĩa, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, Bến Tre. Và từ rất lâu, nhân dân ở vùng núi Ba Thê, thuộc huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang vẫn coi ông là một vị thần Thành Hoàng.”

Tại sao cụ Phan không sống để kháng chiến đến viên đạn cuối cùng hầu tỏ sĩ khí của Nho gia Việt Nam?

Không phải cụ thiếu tinh thần thượng võ, nhưng cụ so sánh lực lượng địch hơn hẳn mình nhiều khía cạnh. Nếu chiến tranh kéo dài chỉ làm mồ chôn cho chiến sĩ ta mà thôi. Cụ rất thức thời, biết tiết kiệm xương máu của dân tộc. Người ta máy bay, tàu lặn, xe tăng thiết giáp... Còn mình thủy lục không quân hầu như không có. Nên văn minh Pháp đã đạt đến mức độ khá cao mà triều đình ta còn chằm bít long bảo thủ, không chịu cạnh tân mọi mặt.

Dịp đi Pháp Quốc cụ đã nhiều phen xin cho Thanh Triều du học để khai hóa nền kỹ thuật khoa học mà sĩ phu ta lại cho là đi xa về bịa đặc chẳng chịu tin. Biết mình, biết người, so sánh người hay ta dở. Cụ không ngần ngại cảm chén thuốc độc ngâm:

*“Minh tinh chín chữ lòng ghi tạc,
Trời đất từ đây bạc gió thu.”*

Năm 1931 ông giảng cơ ngày 20-2 Tân Mùi cho một bài.

*Tuyệt cốc hy sinh báo quốc cừ,
Tế nguy tam Tinh hủy danh lưu.
Văn bang bất cứ giang san đánh,
Võ lược nam trung loại tặc hưu.
Khám thán Nguyễn trào di ngọc bệ,
Ai tai bá tánh khổ công sưu.
Ngã ngôn nhược đắc nghề quân thính,
Nam Việt cường ban kế vận trù.*

□ PHAN THANH GIẢN

Ngày 6-1-1934 ông Phan Thanh Giản có giảng cơ tặng bà bạn đời của ông 1 bài thi để tỏ dấu biết ơn đã vất vả nuôi mẹ mình trong lúc mình vì nước bỏ ba đò đây để phục vụ tổ quốc. (Lúc này bà Phan còn sanh tiền).

THI HỨA PHU NHÂN

*Một vòng nhật nguyệt tuyết in lâu,
Son sắc giữ niềm vẹn trước sau.
Thức ngọc không lờ cao trọng giá,
Mảnh gương trọn đẹp lại nêu sao.
Đường công danh toại phần quân tử,
Nẻo nghĩa như khoe tiếng má đào.
Lời dặn đình ninh tua để nhớ,
Thu sang cảnh trở, dạ đừng nao.*

Bát Nương Diêu Trì Cung cũng tặng bà Phan một bài:

*Đài Tần bao thuở hiệp Đông Châu,
Biển hoạn mênh mông đã đủ cầu.*

*Ngoài ngõ dậm vang chơn ngựa tú,
Trong trường ré dậy cánh chim câu.
Đài mây yên để nên thanh sử,
Cửa ngõ lời khoe tận Ngọc Lầu.
Đất Việt chừ nghe câu phúc hạnh,
Xin về Nhị Thủy nhấp cần câu.*

Thật vạn hạnh cho một vị phu nhân biết giúp chồng làm tròn nhiệm vụ cùng tổ quốc nên được đời khen tặng mà các Đấng cũng tưởng thưởng hạnh đức. Há có phải một nữ lưu gương mẫu của Việt Nam cận đại chăng?

Bà Phan đâu có thua gì gương xưa:

*Vợ Châu Công hiền thần mạng phu,
Ở thôn gúc lam lỵ làm ăn.
Chông thì triều nội cao sang,
Vợ lo canh cuỗi, cơ hàn khổ thân.*

Những gương đẹp ấy cũng có thể làm tiêu biểu cho phụ nữ quốc tế noi theo mà chớ?

Còn phần Phan Tiên Sinh, dân tộc Việt Nam ngày nay biết ơn một vị đại công thần, thà tự hủy mình chớ không chịu đầu giặc, nêu gương bất khuất của một dân tộc anh hùng, lại đủ tánh đức một nho phong sĩ khí.

5- THẦN ĐỒNG VIỆT NAM

Từ xưa đến nay, xứ ta đã sản xuất biết bao nhiêu bậc nơn tài lỗi lạc, nhứt là tuổi còn xuân mà đối đáp tài tình như:

A. NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Khi có ông Huyện đến trường thấy cậu ăn mặc sỗ sết mới ra câu đố:

*“Học trò là học trò con,
Quần áo lon son là con học trò.”*

Ông liền đối:

*“Ông Huyện là ông Huyện thàng,
Ấn nói làng nhàn là thàng ông Huyện”.*

Tinh thần không chịu thua mà còn nói gát kéo trên là khác.

Lớn lên ông đỗ Trạng Nguyên đời Mạc Đăng Dung (1530–1540) làm quan được 8 năm, được thăng lên Lại Bộ Tả Thị Lang thì xin qui điều. Ông về quê dựng Bạch Vân Am, sống làm cư sĩ. Về sau vua Mạc lại gia phong chức Lại Bộ Thượng Thư Thái Phó Trình Quốc Công. Vì thế nên người ta thường gọi ông là Trạng Trình.

Ông là người học lực uyên bác, lại am tường dịch lý, điều gì cũng tiên tri trước được. Mười quyển Bạch Vân Thi Tập mà ông truyền lại gồm nhiều bài “*Thơ Sấm*” rất đúng với thời cuộc mỗi ngày một đến.

Hiện nay ông đại diện cho nhóm loại ký hòa ước thứ ba với Đức Thượng Đế để thực thi luật thương yêu và quyền công chánh.

Trước Tòa Thánh Tây Ninh có tượng hình ông cùng với Tôn Dật Tiên và Victo Hugo đang ký hòa ước đại ý: “*Nếu người thế gian có đủ thương yêu và trọn công bình thì quyền Thiên Liêng sẽ nhàn nhận ngôi vị Thần, Thánh, Tiên, Phật của họ.*”

B. LƯƠNG HỮU KHÁNH

Là con của quan Bạng Nhãn Lương Đắc Bằng, sanh vào thời Mạc tiếm ngôi nhà Lê (1528-1592) lọt lòng mẹ thì cha mất, nhà nghèo mà mạnh ăn. Một buổi đi học về sang 1 chuyến đò cùng 3-5 ông Thầy Chùa đi làm đám về. Mấy Thầy đồ xôi chuối ra ăn mời Khánh. Khánh nói mấy Thầy có bao nhiêu đó mà mời tôi, tôi ăn thì còn đâu mấy Thầy ăn.

- Không hề gì, trò em cứ làm một bài thơ cho chúng tôi, chúng tôi để hết xôi chuối cho trò em ăn.

Khánh xin vâng liền đọc:

CÙNG QUA MỘT CHUYẾN ĐÒ

*Hòm kinh sử, túi Kim Cang,
Người tớ cùng sang một chuyến thoàn.
Người lại rằng thiên người húng bính,
Tớ qua biển Thánh tớ nghinh ngang.
Sao người chẳng nhớ lời Hàn Dũ,
Đây tớ còn cầm lửa Thủy Hoàng.
Người tớ phân nhau đâu tớ đó,
Người trông thành Phật, tớ nên quan.*

□ LƯƠNG HỮU KHÁNH

Ai nấy đều khen thơ hay mà ăn cũng giỏi vì Khánh đã nuốt hết xôi chuối của mấy ông Thầy.

6- TÌNH YÊU NƯỚC CỦA GÁI VIỆT NAM

Biết bao liệt nữ Việt Nam đã trải thảm gánh vác sơn hà trong lúc nước nhà nguy khốn, tùy lúc yếu mạnh

của tổ quốc.

Lúc yếu thì dụng mỹ nhân kế.

Khi mạnh thì cỡi voi tuốc kiếm chống quân thù.

Huyền Trân Công Chúa dụng sắc khuynh thành, đoạt 2 châu Ô Lý còn cứu dân Nam khỏi nạn chiến binh cùng quân Chăm được đời khen bằng bài thơ:

“KHÉO ĐỐI”

*Đôi chác khen ai khéo nức cười,
Vốn đà không mất lại thêm lời.
Hai châu Ô, Lý vuông ngàn dặm,
Một gái Huyền Trân của mấy mươi.
Lòng đở khen ai lo việc nước,
Môi son phải giống mãi trên đời.
Châu đi rồi lại châu về đó,
Ngỡ ngẩn trông nhau mấy đứa Hôi.*

Tàu có Điều Thuyền, Việt há thiếu Huyền Trân sao?

Đó là lúc bên nam nhi thiếu kẻ đảm đàn. Nhưng hiếm khi gái Việt cùng Đinh Triều an bang tái thế, gương Nhị Trưng quốc tế khó bì.

Hậu thế vẫn tôn sùng bằng đôi vãn khen tặng:

*Thù chống nợ nước lẽ đành cam?
Giải phóng quê hương việc phải làm.
Chiêu mộ anh hùng trừ giặc Bắc,
Phất cờ Nương Tử cứu dân Nam.
Xác trôi Sông Hát thơm giòng bích,
Hồn hiển Mê Linh quỳện khói lam.*

*Nhớ thuở bành voi từng kiếm báo,
Nghe danh Tô Định xám như chàm.*

Nào Triệu Ẩu, Bà Lê Chân có kém gì Jeanne d'Arc
của Pháp, gương nữ kiệt sử Việt lòa soi kim cổ.

KẾT LUẬN

KẾT LUẬN

NẾU KỂ HẾT NHỮNG SỰ TÍCH VỀ NỀN PHONG HÓA Việt Nam có những tình tiết nào cao thượng đẹp đẽ thì trong quyển “*Danh Nhân Nước Nhà*” đã nêu biết bao anh hùng ái quốc liệt nữ tài tình.

Hãy nhìn xem ở Thủ Đô có bao nhiêu con đường là bao nhiêu tên của các vị lỗi lạc. Nền Phong hóa Việt Nam được Đức Thượng Đế chọn làm nền phong hóa của hơn loại thì không có gì làm thẹn thuổng cho một dân tộc nhỏ bé này.

Chúng ta đem đấu xảo với các cường quốc thì cái gì cũng kém cỏi, nhỏ nhoi, hèn mọn. Nhưng về Đạo đức tinh thần chưa chắc một dân tộc nào có được những tánh đức tốt như dân Việt Nam, như là sự sùng kính Đấng tạo đọa vạn vật thì không khi nào chểnh mảng. Lại nữa từ ngày lập quốc đến giờ trải 4.000 năm văn hiến mà hết 2.000 năm bị lệ thuộc, nên Chí Tôn đền lại sự thiệt thòi đó cho đứa con hiếu thảo bị bạc đãi này được hưởng luật công bình Thiêng Liêng của ông cha đại từ đại bi ấy.

Nền Quốc Đạo của Việt Nam sẽ là nền Đạo Cao Đài, điều ấy sẽ tiến dần trong thời gian ngắn. Lời tiên tri ấy dễ tìm được vì nó đã thành tướng từ vĩ tuyến 17 trở vào, nhưng chưa phát triển từ vĩ tuyến 17 trở ra, chỉ vì nước nhà chưa được hoàn toàn tự do tín ngưỡng.

Còn nền phong hóa gương mẫu của Tổ Phụ ta để lại sẽ làm nền phong hóa hơn loại thì do huyền diệu của

Đấng Thượng Đế xoay chuyển lâu hay mau, chúng ta hy vọng nó sẽ sớm thực hiện để chỉnh đốn sự suy đồi của nền phong hóa Âu Mỹ đang trên đà sụp đổ.

A.- VỀ MẶT ĐỜI

Đứng trên đoạn đầu đài mà Cao Bá Quát vẫn bình tĩnh ngâm thi:

*“Ba hồi trống giục mở cha kiếp,
“Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời.”*

Trên ngưỡng cửa của tử thần mà Trần Bình Trọng vững vạc tuyên bố:

“Thà làm quỉ nhà Nam hơn là làm vương đất Bắc.”

Bị trói vào cọc tại Yên Bái mà 13 nhà cách mạng Quốc Dân Đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo đã hô to: *“Việt Nam muôn năm”*.

Một Ngô Tùng Châu, một Võ Tánh đã xem lửa hồng như ngọn suối để tắm mát linh hồn mình. Một Phan Thanh Giảng đã dùng độc dược để kết liễu đời công dân không làm tròn bổ phận bảo vệ tổ quốc trước sức mạnh của đế quốc Pháp.

Đó là luận phía Nam giới. Còn phía Nữ giới: Bà Trưng, Bà Triệu cưỡi voi ra trận chống xâm lăng, tô được khí hùng võ tướng. Còn Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Sương Nguyệt Ánh, Bà Huyện Thanh Quan.... có kém kém nào nữ thi nhân trên hoàn vũ đâu?

Bao nhiêu tinh thần cũng đủ làm chứng cho một dân tộc hùng cường về mặt tâm linh để làm gương mẫu cho thế giới soi chung vậy.

B.- VỀ MẶT ĐẠO

Từ năm 1926 đến nay, Đức Chí Tôn khai nền Đạo Đạo đã dẫn dắt bao chơn linh vào cửa Thánh, phước cả đời tư, không màng danh lợi, cam phận nâu sống, rèn tâm luyện đức, đắp xây một nền tôn giáo nhằm mục đích đại đồng huynh đệ.

Ngoài các vị lãnh Đạo như Đức Hộ Pháp, Đức Quyền Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm... chúng ta còn có thể nêu danh Phối Thánh Phạm Văn Màng, Phối Thánh Bùi Ái Thoại; quý vị Thánh Đổ Quang Hiển, Nguyễn Hựơt Hải, Phạm Ngọc Trấn, Phan Hữu Phước...

Bên Nữ phái quý Bà Nữ Đầu Sư Lâm Hương Thanh, Nguyễn Hương Hiếu, Nguyễn Hương Lự, Phối Sư Hương Nhiều... còn nhiều Thánh Tử Đạo đã:

*“Cổ thân ra mảnh áo toi,
“Che mưa đỡ nắng cho đời nguy nang”.*

Tất cả quý vị đã làm một gương sáng tô điểm cho phong hóa nhà Nam được rạng ngời xinh lịch, xứng đáng làm gương mẫu cho phong hóa vạn quốc đồ theo trong buổi tương lai đó vậy.

Ấy vậy, dầu Đạo, dầu Đời, phong hóa Việt Nam rất xứng đáng làm kiểu mẫu cho văn hóa nơn loại y như Chí Tôn đã tiên tri: “*Nam Phong Thử Nhứt Biến Nơn Phong*”.

(Viết xong 1978)

Giải Tâm⁽¹⁾

(1). **Giải Tâm:** là Đạo Hiệu của Sĩ Tài Bùi Văn Tiếp được Đức Thanh Sơn Đạo Sỹ giảng cơ cho:

*Giải quả từng Thiên mạng,
Tâm thanh đắc Chơn như.*

NAM PHONG GƯƠNG MẪU

Soạn Giả: GIẢI TÂM